

Quyển 78

Thứ 15. BỒ TÁT ĐỊA

Phần 7

Lại nữa, nay thuyết *nương giả lập thừa phân biệt hiểu rõ như thật Đại thừa*.

Nên biết như trong *Kinh Giải Thâm Mật*, Quán Tự Tại Bồ-tát bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Như Phật đã thuyết mười địa của Bồ-tát, đó là Cực hỷ địa, Ly cấu địa, Phát quang địa, Diệm tuệ địa, Cực nan thắng địa, Hiện tiền địa, Viễn hành địa, Bất động địa, Thiện tuệ địa và Pháp vân địa. Lại thuyết Phật địa là thứ mười một. Các địa như vậy nhiếp thuộc bao nhiêu chủng thanh tịnh, nhiếp thuộc bao nhiêu phần?

Phật bảo Quán Tự Tại Bồ-tát rằng: Thiện nam tử! Các địa của Bồ-tát như vậy nhiếp thuộc bốn chủng thanh tịnh và mười một phần.

Sao gọi là các địa nhiếp thuộc bốn chủng thanh tịnh? Địa thứ nhất nhiếp thuộc tăng thượng ý lạc thanh tịnh. Địa thứ hai nhiếp thuộc tăng thượng

giới thanh tịnh. Địa thứ ba nhiếp thuộc tăng thượng tâm thanh tịnh. Các địa sau tức từ địa thứ tư cho đến Phật địa, nhiếp thuộc tăng thượng tuệ, triển chuyển càng lúc càng thù thắng vi diệu. Thiệt nam tử! Nên biết bốn chủng thanh tịnh như vậy nhiếp khắp các địa.

Sao gọi là các địa nhiếp thuộc mười một phần? Chư Bồ-tát ở Thắng giải hành địa đầu tiên, vì nương mười pháp hạnh cực khéo tu tập thắng giải nhân, nên vượt qua địa đây chứng nhập Bồ-tát chánh tánh ly sanh. Do nhân duyên đây, chư Bồ-tát viên mãn phần đây, nhưng ở nơi lầm phạm hiện hành vi tế chưa thể an trụ chánh biết, cho nên ở trong phần đây vẫn còn chưa hoàn toàn viên mãn. Vì khiến phần đây được viên mãn nên tinh cần tu tập, liền năng chứng đắc. Do nhân duyên đây, chư Bồ-tát viên mãn phần đây mà chưa năng đắc viên mãn đẳng trì đẳng chí thế gian và viên mãn văn trì Đà-la-ni, cho nên ở phần đây vẫn còn chưa hoàn toàn viên mãn. Vì khiến phần đây được viên mãn nên tinh cần tu tập, liền năng chứng đắc. Do nhân duyên đây, chư Bồ-tát viên mãn phần đây, mà ở nơi pháp Bồ-đề phần chưa trụ nhiều tu

tập cho đến năng khiến thành tựu, tâm chưa năng xả ái các đẳng chí và ái pháp, cho nên ở phần đây vẫn còn chưa hoàn toàn viên mãn. Vì khiến phần đây được viên mãn nên tinh cần tu tập, liền năng chứng đắc. Do nhân duyên đây, chư Bồ-tát viên mãn phần đây mà chưa năng ở nơi đạo lý các đế quán sát như thật; lại chưa năng ở nơi tác ý xoay lưng với sanh tử, một hướng đi đến Niết-bàn; lại chưa năng ở nơi pháp Bồ-đề phần tu tập phương tiện nhiếp lấy, cho nên ở phần đây vẫn còn chưa hoàn toàn viên mãn. Vì khiến phần đây được viên mãn nên tinh cần tu tập, liền năng chứng đắc. Do nhân duyên đây, chư Bồ-tát viên mãn phần đây mà chưa năng ở nơi sanh tử lưu chuyển quán sát như thật; lại do ở nơi vị kia sanh nhiều nhàm mỏi, lại ở nơi vô tướng chưa thể trụ nhiều, cho nên ở phần đây vẫn còn chưa hoàn toàn viên mãn. Vì khiến phần đây được viên mãn nên tinh cần tu tập, liền năng chứng đắc. Do nhân duyên đây, chư Bồ-tát viên mãn phần đây, mà chưa năng ở nơi vô tướng tu tập trụ nhiều tác ý không gián đoạn, không khuyết hở, cho nên ở phần đây vẫn còn chưa hoàn toàn viên mãn. Vì muốn khiến phần

đây được viên mãn nên tinh cần tu tập, liền năng chứng đắc. Do nhân duyên đây, chư Bồ-tát viên mãn phần đây, mà chưa năng ở trong trụ vô tướng xả ly dụng công, lại chưa năng ở nơi tướng được tự tại, cho nên ở phần đây vẫn còn chưa hoàn toàn viên mãn. Vì khiến phần đây được viên mãn nên tinh cần tu tập, liền năng chứng đắc. Do nhân duyên đây, chư Bồ-tát viên mãn phần đây, mà chưa năng ở nơi tất cả phẩm loại pháp tuyên thuyết sai khác, ở nơi các nhóm tướng với danh sai khác, từ ngữ dẫn dạy sai khác được đại tự tại, cho nên ở phần đây vẫn còn chưa hoàn toàn viên mãn. Vì khiến phần đây được viên mãn nên tinh cần tu tập, liền năng chứng đắc. Do nhân duyên đây, chư Bồ-tát viên mãn phần đây, nhưng chưa hiện tiền năng đắc, hiện tiền chứng thọ Pháp thân viên mãn, cho nên ở phần đây vẫn còn chưa hoàn toàn viên mãn. Vì khiến phần đây được viên mãn nên tinh cần tu tập, liền năng chứng đắc. Do nhân duyên đây, chư Bồ-tát viên mãn phần đây, nhưng chưa năng ở khắp tất cả cảnh giới sở tri đặc diệu trí diệu kiến không đấm trước không bị ngăn ngại, cho nên ở phần đây vẫn còn chưa hoàn toàn viên

mãn. Vì khiến phần dây được viên mãn nên tinh cần tu tập, liền năng chứng đắc. Do nhân duyên đây, chư Bồ-tát viên mãn phần dây. Do viên mãn phần dây, nên ở tất cả phần đều được viên mãn. Thiện nam tử! Nên biết mười một phần như vậy thâm nhiếp khắp các địa.

Bạch Thế Tôn! Duyên nào địa đầu tiên có tên là Cự hỷ địa, cho đến duyên nào lại có tên là Phật địa?

Thiện nam tử! Thành tựu nghĩa lớn, tâm đắc xuất thế gian chưa từng đắc, sanh đại hoan hỷ, cho nên đầu tiên gọi là Cự hỷ địa.

Xa lìa tất cả hủy phạm giới vi tế, nên thứ hai gọi là Ly cấu địa.

Do đắc tam-ma-địa kia và văn trì Đà-la-ni, năng dụng vô lượng trí quang làm chỗ nương, nên thứ ba gọi là Phát quang địa.

Do sở đắc pháp Bồ-đề phần, trí thiêu đốt các phiền não như lửa cháy, nên thứ tư gọi là Diệt tuệ địa.

Do phương tiện tu tập pháp Bồ-đề phần, khó khăn vô cùng mới thắng vượt cho đến được tự tại, nên thứ năm gọi là Cự nan thắng địa.

Do hiện tiền quán sát các hành lưu chuyển, lại ở nơi vô tướng tu nhiều tác ý mới hiện tại tiền, nên thứ sáu gọi là Hiện tiền địa.

Do ở nơi vô tướng vẫn còn xa trong việc năng chứng nhập tác ý không khuyết hở không gián đoạn, ở nơi tướng đã tiếp cận thanh tịnh địa, nên thứ bảy gọi là Viễn hành địa.

Do ở nơi vô tướng được không dụng công, ở nơi các tướng không bị tán động mà chuyển theo phiền não hiện hành, nên thứ tám gọi là Bất động địa.

Do ở nơi tất cả chủng, thuyết pháp tự tại, thành tựu trí tuệ vô lượng rộng lớn, nên thứ chín gọi là Thiện tuệ địa.

Thô trọng của thân rộng như hư không, Pháp thân viên mãn như đám mây lớn bao phủ trùm khắp, nên thứ mười gọi là Pháp vân địa.

Vĩnh viễn đoạn trừ tùy phiền não tối cực vi tế và sở tri chướng, không đắm trước không ngăn ngại, ở nơi tất cả chủng cảnh giới sở tri hiện Chánh đẳng giác, nên thứ mười một gọi là Phật địa.

Bạch Thế Tôn! Ở các địa đây có bao nhiêu ngu si, bao nhiêu thô trọng cần phải đối trị?

Thiện nam tử! Trong các địa đây có hai mươi

hai chủng ngu si và mười một chủng thô trọng cần phải đối trị.

Ở địa đầu tiên có hai ngu si: một là ngu si do chấp trước bổ-đặc-già-la và pháp; hai là ngu si do tập nhiễm đường ác. Thô trọng của kia là điều cần phải đối trị.

Ở địa thứ hai có hai ngu si: một là ngu si lầm phạm vi tế; hai là ngu si chủng chủng nghiệp ở các đường. Thô trọng của kia là điều cần phải đối trị.

Ở địa thứ ba có hai ngu si: một là ngu si do dục tham; hai là ngu si ở nơi viên mãn văn trì Đà-la-ni. Thô trọng của kia là điều cần phải đối trị.

Ở địa thứ tư có hai ngu si: một là ngu si do ái đẳng chí; hai là ngu si do ái pháp. Thô trọng của kia là điều cần phải đối trị.

Ở địa thứ năm có hai ngu si: một là ngu si một hướng tác ý trái lìa sanh tử; hai là ngu si một hướng tác ý hướng đến Niết-bàn. Thô trọng của kia là điều cần phải đối trị.

Ở địa thứ sáu có hai ngu si: một là ngu si hiện tiền quán sát các hành lưu chuyển; hai là ngu si ở nơi tương nhiều hiện hành. Thô trọng của kia là điều cần phải đối trị.

Ở địa thứ bảy có hai ngu si: một là ngu si ở nơi tướng hiện hành vi tế; hai là ngu si ở nơi vô tướng phương tiện một hướng tác ý. Thô trọng của kia là điều cần phải đối trị.

Ở địa thứ tám có hai ngu si: một là ngu si ở nơi vô tướng tác dụng công; hai là ngu si ở nơi tướng được tự tại. Thô trọng của kia là điều cần phải đối trị.

Ở địa thứ chín có hai ngu si: một là ngu si được tự tại ở nơi vô lượng pháp sở thuyết, vô lượng pháp cú văn tự; hai là ngu si đối với về sau tuệ biện Đà-la-ni tự tại. Thô trọng của kia là điều cần phải đối trị.

Ở địa thứ mười có hai ngu si: một là ngu si các đại thần thông; hai là ngu si ngộ nhập bí mật vi tế. Thô trọng của kia là điều cần phải đối trị.

Ở Như Lai địa có hai ngu si: một là ngu si do đắm trước ở nơi tất cả cảnh giới sở tri rất vi tế; hai là ngu si do cực vi tế ngăn ngại. Thô trọng của kia là điều cần phải đối trị.

Thiện nam tử! Do hai mươi hai chủng ngu si đây và mười một chủng thô trọng nên an lập các địa. Còn Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề thì bỏ lìa

tất cả trời buộc của kia vậy.

Bạch Thế Tôn! Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề thật kỳ lạ, thật hy hữu, cho đến thành tựu quả lớn lợi lớn, khiến chư Bồ-tát năng phá lưới lớn ngu si, năng vượt qua rừng rậm lớn thô trọng như vậy, hiện tiền chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Bạch Thế Tôn! Các địa như vậy là chỗ an lập của bao nhiêu chủng thù thắng?

Thiện nam tử! Lược có tám chủng: một là tăng thượng ý lạc thanh tịnh; hai là tâm thanh tịnh; ba là bi thanh tịnh; bốn là đến bờ kia thanh tịnh; năm là được gặp chư Phật nên thừa sự cúng dường thanh tịnh; sáu là thành thực hữu tình thanh tịnh; bảy là sanh thanh tịnh; tám là uy đức thanh tịnh.

Thiện nam tử! Từ địa thứ nhất cho đến các địa về sau, cho đến Như lai địa, sở hữu tăng thượng ý lạc thanh tịnh cho đến uy đức thanh tịnh nên biết các địa càng về sau càng triển chuyển tăng thượng thù thắng hơn. Riêng ở Phật địa, loại trừ không còn sanh thanh tịnh. Lại sở hữu công đức của địa thứ nhất so với sở hữu công đức của các địa trên bình đẳng đều có, nên biết công đức của tự mỗi địa thù thắng hơn. Tất cả công đức của mười

địa Bồ-tát đều có công đức khác vượt hơn. Công đức của Phật địa nên biết không còn công đức nào sánh được.

Bạch Thế Tôn! Nhân duyên nào mà thuyết sanh của Bồ-tát là thắng vượt hơn so với sanh của các hữu tình khác?

Thiện nam tử! Do bốn nhân duyên: một là vì chỗ huân tập phát khởi căn lành cực thiện tịnh; hai là vì nắm giữ lực ý cố tư duy phân tích chọn lựa; ba là vì bi mẫn tế độ chúng sanh; bốn là vì tự mình đã không nhiễm ô, lại năng giúp người khiến trừ nhiễm ô.

Bạch Thế Tôn! Nhân duyên nào lại thuyết chư Bồ-tát hành nguyện rộng lớn, nguyện vi diệu, nguyện thù thắng?

Thiện nam tử! Do bốn nhân duyên: chư Bồ-tát năng khéo rõ biết lạc trú Niết-bàn; kham năng nhanh chóng chứng đắc mà lại xả bỏ; không duyên không đợi chờ mà tự phát tâm nguyện rộng lớn; vì muốn lợi ích các hữu tình nên trường thời ở những nơi có vô lượng khổ lớn. Cho nên Ta thuyết chư Bồ-tát kia hành nguyện rộng lớn, nguyện vi diệu, nguyện thù thắng.

Bạch Thế Tôn! Chư Bồ-tát đây có bao nhiêu chúng sự phải học?

Thiện nam tử! Sự học của Bồ-tát lược có sáu chúng, chỗ gọi là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, tĩnh lự và tuệ đến bờ kia.

Bạch Thế Tôn! Sáu chúng sự phải học như vậy, bao nhiêu nhiếp thuộc tăng thượng giới học, bao nhiêu nhiếp thuộc tăng thượng tâm học, bao nhiêu nhiếp thuộc tăng thượng tuệ học?

Thiện nam tử! Ba chúng đều nhiếp thuộc tăng thượng giới học. Một chúng tĩnh lự nhiếp thuộc tăng thượng tâm học. Một chúng tuệ nhiếp thuộc tăng thượng tuệ học. Tinh tấn nhiếp thuộc cả ba tăng thượng.

Bạch Thế Tôn! Sáu chúng phải học như vậy, bao nhiêu nhiếp thuộc tư lương phước đức, bao nhiêu nhiếp thuộc tư lương trí tuệ?

Thiện nam tử! Nếu sự học nhiếp thuộc tăng thượng giới học, đây gọi là nhiếp thuộc tư lương phước đức. Nếu sự học nhiếp thuộc tăng thượng tuệ học, đây gọi là nhiếp thuộc tư lương trí tuệ. Hai chúng tinh tấn và tĩnh lự nhiếp thuộc cả hai tư lương.

Bạch Thế Tôn! Ở trong sáu chủng sự học, Bồ-tát phải tu học như thế nào?

Thiện nam tử! Do năm chủng tướng phải nên tu học. Trước tiên tin hiểu sâu sắc đối với giáo pháp chân chánh vi diệu tương ưng tạng Bồ-tát Ba-la-mật-đa. Hai là ở nơi mười chủng pháp hạnh, dùng văn-tư-tu thành tựu diệu trí mà tinh tấn tu hành. Ba là tùy hộ trì tâm Bồ-đề. Bốn là thân cận bậc Thiện tri thức chân chánh. Năm là siêng tu phẩm thiện không gián đoạn.

Bạch Thế Tôn! Nhân duyên nào thi thiết sự phải học như vậy chỉ có sáu số?

Thiện nam tử! Do hai nhân duyên: một là vì nhiều ích các hữu tình; hai là vì đối trị các phiền não. Nên biết ba sự học đầu nhiều ích hữu tình, ba sự học sau đối trị tất cả phiền não.

Ba sự học đầu nhiều ích hữu tình: tức là chư Bồ-tát do bố thí nên nhiếp thọ vật dụng nhiều ích hữu tình; do trì giới nên không hành tổn hại bức bách nào loạn nhiều ích hữu tình; do nhẫn nhục nên tuy bị tổn hại bức bách nào loạn mà lại kham năng nhẫn thọ nhiều ích hữu tình.

Ba sự học sau đối trị các phiền não: tức là chư

Bồ-tát do tinh tấn, tuy chưa vĩnh viễn hàng phục tất cả phiền não, cũng chưa vĩnh viễn hại diệt tất cả tùy miên, nhưng năng đồng mãnh tu các phẩm thiện. Các phiền não đây chẳng thể làm khuynh động gia hạnh phẩm thiện. Do tinh lự nên vĩnh viễn hàng phục phiền não. Do Bát-nhã nên vĩnh viễn hại diệt tùy miên.

Bạch Thế Tôn! Nhân duyên nào thi thiết các Ba-la-mật-đa còn lại chỉ có bốn số?

Thiện nam tử! Đây năng làm trợ bạn cho sáu chủng Ba-la-mật-đa trước. Tức là chư Bồ-tát ở nơi ba chủng hành Ba-la-mật-đa trước nhiếp lấy hữu tình, dụng các nhiếp sự phương tiện thiện xảo mà nhiếp thọ, sau an đặt kia nơi phẩm thiện. Cho nên Ta thuyết phương tiện thiện xảo làm trợ bạn cho ba chủng Ba-la-mật-đa ban đầu.

Nếu chư Bồ-tát ở hiện pháp phát khởi nhiều phiền não, thì không thể kham năng tu tập không gián đoạn. Vì ý lạc yếu kém, thắng giải giới bậc hạ, nên nội tâm chẳng an trụ kham nhẫn. Đối với tạng Bồ-tát, không kham năng lắng nghe và duyên theo đó khéo tu tập, không thể dẫn phát sở hữu tinh lự năng sanh khởi tuệ xuất thế gian. Do đây,

kia chỉ nhiếp thọ ít phần tư lương phước đức nhỏ bé. Tuy vậy, nếu ở đời vị lai phiền não suy yếu, tâm sanh khởi chánh nguyện, như vậy gọi là Nguyện Ba-la-mật-đa. Do nguyện đây năng tinh tấn tu tập nên phiền não dần dần mỏng dịu, cho nên Ta thuyết Nguyện Ba-la-mật-đa làm trợ bạn của Tinh tấn Ba-la-mật-đa.

Nếu chư Bồ-tát thân cận bậc Thiện tri thức, lắng nghe chánh pháp, như lý tác ý làm nhân duyên, nên chuyển ý lạc kém yếu thành ý lạc thắng vượt, cũng năng thu được thắng giải giới phẩm thượng. Như vậy gọi là Lực Ba-la-mật-đa. Do lực đây, ở nội tâm an trụ có sự kham nhẫn, cho nên Ta thuyết Lực Ba-la-mật-đa làm trợ bạn của Tinh lự Ba-la-mật-đa.

Nếu chư Bồ-tát đã năng lắng nghe, duyên theo tạng Bồ-tát mà khéo léo tu tập sẽ năng dẫn phát tinh lự. Như vậy gọi là Trí Ba-la-mật-đa. Do trí đây kham năng dẫn phát tuệ xuất thế gian, cho nên Ta thuyết Trí Ba-la-mật-đa làm trợ bạn của Tuệ Ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn! Nhân duyên nào tuyên thuyết thứ tự của sáu chủng Ba-la-mật-đa như vậy?

Thiện nam tử! Vì nương theo sự dẫn phát được nói sau. Tức là chư Bồ-tát nếu đối với thân mạng và tài bảo không còn xẻn tiếc, liền năng thọ trì cấm giới thanh tịnh. Vì hộ trì cấm giới, nên tu nhẫn nhục. Vì tu nhẫn nhục, năng phát khởi tinh tấn. Vì phát khởi tinh tấn, năng thành tựu đầy đủ tĩnh lự. Vì đầy đủ tĩnh lự, liền năng thành tựu tuệ xuất thế gian. Cho nên Ta thuyết thứ tự sáu Ba-la-mật-đa như vậy.

Bạch Thế Tôn! Sáu chủng Ba-la-mật-đa như vậy, mỗi một chủng có bao nhiêu phẩm loại sai khác?

Thiện nam tử! Mỗi một có ba chủng. Thí có ba chủng: một là pháp thí; hai là tài thí; ba là vô úy thí. Giới có ba chủng: một là chuyển xả giới bất thiện; hai là chuyển sanh giới thiện; ba là chuyển sanh giới nhiều ích hữu tình. Nhẫn có ba chủng: một là nhẫn nại oán hại; hai là nhẫn an thọ khổ; ba là để sát pháp nhẫn. Tinh tấn có ba chủng: một là mặc giáp tinh tấn; hai là chuyển sanh gia hạnh thiện pháp tinh tấn; ba là gia hạnh nhiều ích hữu tình tinh tấn. Tĩnh lự có ba: một là vô phân biệt tịch tĩnh, cực tịch tĩnh không tội, đối trị phiền

não các khổ, lạc trú tinh lự; hai là dẫn phát công đức tinh lự; ba là dẫn phát nhiều ích hữu tình tinh lự. Tuệ có ba chủng: một là tuệ duyên thế tục đế; hai là tuệ duyên thắng nghĩa đế; ba là tuệ duyên nhiều ích hữu tình.

Bạch Thế Tôn! Nhân duyên nào Ba-la-mật-đa gọi tên là Ba-la-mật-đa?

Thiện nam tử! Do năm nhân duyên: một là không nhiễm trước; hai là không luyến tiếc; ba là không tội trái vượt; bốn là không phân biệt; năm là chân chánh hồi hướng.

Không nhiễm trước: tức là không nhiễm đắm các sự việc khiến xả bỏ trái với Ba-la-mật-đa.

Không luyến tiếc: tức là ở trong tất cả Ba-la-mật-đa, các quả dị thực và các sự báo ân mà tâm không bị trói buộc.

Không tội trái vượt: tức là ở nơi Ba-la-mật-đa như vậy, pháp tạp nhiễm không làm gián đoạn, xa lìa không phải phương tiện hạnh.

Không phân biệt: tức là ở nơi Ba-la-mật-đa như vậy, chẳng như ngôn từ mà chấp trước tự tướng.

Chân chánh hồi hướng: lấy sự tu tập Ba-la-mật-đa như vậy, năng hồi hướng cầu quả Đại Bồ-đề

vô thượng.

Bạch Thế Tôn! Những gì gọi là các việc trái với Ba-la-mật-đa?

Thiện nam tử! Việc đây lược có sáu chủng: một là thấy sâu công đức cùng với thắng lợi ở nơi việc vui muốn thích thú tài phước, được tự tại trong các dục lạc; hai là thấy sâu công đức cùng với thắng lợi ở nơi thân ngữ ý hiện hành thuận theo sự phóng túng vui thích ấy; ba là thấy sâu công đức cùng với thắng lợi khi bị người khinh miệt chẳng thể kham nhẫn; bốn là thấy sâu công đức cùng với thắng lợi đối với việc đấm trước vui muốn tu bất động; năm là thấy sâu công đức cùng với thắng lợi ở những nơi ồn náo, hành tạp loạn của thế gian; sáu là thấy sâu công đức cùng với thắng lợi ở nơi thấy nghe hiểu biết ngôn thuyết hý luận.

Bạch Thế Tôn! Tất cả Ba-la-mật-đa như vậy quả dị thực là gì?

Thiện nam tử! Đây cũng lược có sáu chủng: một là được tài bảo giàu sang lớn; hai là vãng sanh đường thiện; ba là nhiều hỷ lạc, không oán đối, không trái hại; bốn là làm người dẫn đường cho chúng sanh; năm là thân không bị náo hại; sáu là

có dòng họ tôn quý.

Bạch Thế Tôn! Những gì gọi là pháp tập nhiệm làm gián đoạn Ba-la-mật-đa?

Thiện nam tử! Lược do bốn chủng gia hạnh tập nhiệm: một là vì gia hạnh không lòng bi; hai là vì gia hạnh không như lý; ba là vì gia hạnh không liên tục; bốn là vì gia hạnh không ân trọng. Gia hạnh không như lý tức là khi tu tập Ba-la-mật-đa này, xa lìa hoại mất Ba-la-mật-đa khác.

Bạch Thế Tôn! Những gì gọi là không phải phương tiện hạnh?

Thiện nam tử! Nếu lúc chư Bồ-tát dụng Ba-la-mật-đa nhiều ích chúng sanh, nhưng chỉ cầu nhiếp tài vật để nhiều ích cho là vui đủ, mà không khiến họ ra khỏi bất thiện, an đặt nơi thiện. Như vậy gọi là không phải phương tiện hạnh. Vì cơ sao? Thiện nam tử! Đối với chúng sanh, chỉ làm việc đây không thể gọi là thật sự nhiều ích. Thí như phần uest, hoặc nhiều hoặc ít, trọn không thể khiến thành hương tinh khiết. Chúng sanh như vậy do hành khổ, nên tánh kia vốn đã là khổ, không thể chỉ dùng phương tiện tài vật tạm thời nhiều ích mà khiến họ vui mãi; duy chỉ an đặt họ trong thiện pháp vi diệu

mới được gọi là nhiều ích bậc nhất.

Bạch Thế Tôn! Như vậy tất cả Ba-la-mật-đa có bao nhiêu thanh tịnh?

Thiện nam tử! Ta trọn không thuyết Ba-la-mật-đa đây trừ năm tướng trên mà có được sự thanh tịnh khác. Nhưng Ta nương các việc kia mà thuyết chung, thuyết riêng tướng thanh tịnh của Ba-la-mật-đa.

Thuyết chung tướng thanh tịnh của tất cả Ba-la-mật-đa có bảy chủng. Những gì là bảy? Một là Bồ-tát ở nơi pháp đây không cầu người biết. Hai là ở pháp đây đã đắc kiến rồi không sanh chấp trước. Ba là ở nơi pháp đây chẳng sanh nghi hoặc như vậy: “Thuận theo đây có thể đắc Đại Bồ-đề chăng?”. Bốn là trọn không khen mình chê người, có sự khinh miệt người. Năm là trọn không kiêu mạn, phỉ báng, phóng dật. Sáu là trọn không ở nơi chút phần chúng đắc thấp kém mà sanh vui đủ. Bảy là trọn không ở pháp đây mà khởi tật đố xẻn tiếc đối với người.

Thuyết riêng tướng thanh tịnh của tất cả Ba-la-mật-đa cũng có bảy chủng. Những gì là bảy? Như Ta đã thuyết thì chư Bồ-tát tu hành thuận

theo bảy chủng tướng bố thí thanh tịnh: một là do thí vật thanh tịnh nên hành thí thanh tịnh; hai là do giới thanh tịnh nên hành thí thanh tịnh; ba là do kiến thanh tịnh nên hành thí thanh tịnh; bốn là do tâm thanh tịnh nên hành thí thanh tịnh; năm là do ngữ thanh tịnh nên hành thí thanh tịnh; sáu là do trí thanh tịnh nên hành thí thanh tịnh; bảy là do cấu thanh tịnh nên hành thí thanh tịnh. Đây gọi là bảy chủng tướng thí thanh tịnh.

Lại chư Bồ-tát năng khéo rõ biết chế lập tất cả học xứ luật nghi; năng khéo rõ biết vượt ra khỏi điều đã phạm; thường đầy đủ giới; bền vững nơi giới; thường hành theo giới; thường chuyển theo giới; thọ học tất cả sở hữu học xứ. Đây gọi là bảy chủng tướng giới thanh tịnh.

Lại chư Bồ-tát ở nơi sở hữu nghiệp do mình gây tạo và quả dị thực, thâm sanh tin chắc. Đối với tất cả việc làm không nhiều ích hiện tại tiền đến với mình, không sanh giận dữ. Cũng không phản kháng mắng chửi, không sân hận, không đánh trả, không hãi sợ, không khinh suất. Cũng không dùng vô số việc hiện tương không nhiều ích phản trả gia hại. Cũng không ôm lòng kết thù oán hận. Nếu khi

khuyên bảo răn nhắc, trọn không khiến người bị khuể nã; cũng không chờ đợi người khuyên bảo răn nhắc. Không do bị sợ hãi bức bách, có tâm nhiệm ái mới hành hạnh nhẫn nhục. Đã thi ân rồi tức liền xả bỏ. Đây gọi là bảy chủng tướng nhẫn thanh tịnh.

Lại chư Bồ-tát thông đạt tánh tinh tấn bình đẳng; chẳng do đồng mãnh siêng tinh tấn mà tự đề cao lãng mạ người; đủ đại thế lực; đủ đại tinh tấn; có khả năng kham nhẫn; đồng mãnh kiên cố; trọn chẳng xả bỏ ách các thiện pháp. Đây gọi là bảy chủng tướng tinh tấn thanh tịnh.

Lại chư Bồ-tát khéo thông đạt tướng tĩnh lự tam-ma-địa; viên mãn tĩnh lự tam-ma-địa; đầy đủ phần tĩnh lự tam-ma-địa; chuyển vận tĩnh lự tam-ma-địa; không chỗ nương tĩnh lự tam-ma-địa; khéo tu trị tĩnh lự tam-ma-địa; ở nơi tạng Bồ-tát đã được nghe, tu tập duyên vô lượng tĩnh lự tam-ma-địa. Như vậy gọi là bảy chủng tướng tĩnh lự thanh tịnh.

Lại chư Bồ-tát xa lìa hai biên tăng ích và tổn giảm, hành nơi trung đạo, đây gọi là tuệ. Do tuệ đây, như thật rõ biết nghĩa ba giải thoát môn là Không, Vô tướng, Vô nguyện. Như thật rõ biết

nghĩa tự tánh của ba chủng tự tánh là biến kế sở chấp, y tha khởi và viên thành thật. Như thật rõ biết nghĩa vô tự tánh của ba chủng tánh vô tự tánh là tướng, sanh và thắng nghĩa. Như thật rõ biết nghĩa thế tục đế, đó là năm minh xứ. Như thật rõ biết nghĩa thắng nghĩa đế, đó là bảy chân như. Lại vô phân biệt lìa các hý luận, thuần nhất nơi lý thú, vì nhiều an trụ, vì vô lượng pháp chung làm sở duyên, vì Tỳ-bát-xá-na. Lại năng khéo thành tựu trọn vẹn tùy pháp hành pháp. Đây gọi là bảy chủng tướng tuệ thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn! Năm tướng như vậy, mỗi mỗi tướng có nghiệp gì?

Thiện nam tử! Nên biết tướng kia có năm chủng nghiệp. Chư Bồ-tát vì không nhiễm đắm, ở trong hiện pháp đối với việc tu tập Ba-la-mật-đa hằng thường siêng tu gia hạnh ân trọng, không phóng dật. Vì không luyến tiếc, nên đương lai niếp thọ nhân không phóng dật. Vì không tội trái vượt, nên năng chánh tu tập cực khéo viên mãn, cực khéo thanh tịnh, cực khéo sáng sạch Ba-la-mật-đa. Vì không phân biệt, nên nhanh chóng chứng đắc viên mãn phương tiện thiện xảo Ba-la-mật-đa. Vì

chân chánh hồi hương, nên tất cả nơi sanh xứ Ba-la-mật-đa và các quả dị thực khả ái kia đều được vô tận, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Bạch Thế Tôn! Sở thuyết Ba-la-mật-đa như vậy, gì là rất rộng lớn, gì là không nhiễm ô, gì là rất sáng sạch sung mãn, gì là không thể lay động, gì là thanh tịnh hơn cả?

Thiện nam tử! Tánh không nhiễm dấm, tánh không luyến tiếc, tánh chánh hồi hương là rất rộng lớn. Tánh không tội trái vượt, tánh không phân biệt là không nhiễm ô. Sở tác tư duy chọn lựa là rất sáng sạch sung mãn. Đã nhập pháp địa Bất thối chuyển gọi là không thể lay động. Nếu nhiếp vào mười địa, nhiếp vào Phật địa, gọi là thanh tịnh hơn cả.

Bạch Thế Tôn! Nhân duyên nào Bồ-tát đắc Ba-la-mật-đa, các quả khả ái và các dị thực thường không tận, Ba-la-mật-đa cũng không tận?

Thiện nam tử! Bởi tu tập không gián đoạn, triển chuyển nương nhau sanh khởi.

Bạch Thế Tôn! Nhân duyên nào Bồ-tát tin hiểu quý trọng sâu Ba-la-mật-đa đây, chẳng phải vì nương Ba-la-mật-đa đây để đắc các quả dị thực khả ái?

Thiện nam tử! Do năm nhân duyên: một là vì Ba-la-mật-đa là nhân khiến phát sanh tăng trưởng hỷ lạc không gì vượt hơn; hai là vì Ba-la-mật-đa thật là nhân rất ráo khiến nhiều ích tất cả mình người; ba là vì Ba-la-mật-đa là nhân của quả dị thực khả ái đời đương lai; bốn là vì Ba-la-mật-đa không phải chỗ nương của sự tạp nhiễm; năm là vì Ba-la-mật-đa không phải là pháp rất ráo biến hoại.

Bạch Thế Tôn! Tất cả Ba-la-mật-đa như vậy, mỗi một chủng có bao nhiêu uy đức thù thắng hơn cả?

Thiện nam tử! Nên biết tất cả Ba-la-mật-đa, mỗi một chủng có bốn oai đức thù thắng hơn cả: một là khi chánh tu hành Ba-la-mật-đa đây, năng xả tâm xên tiếc, lầm phạm giới, giận dữ, giải đãi, tán loạn, kiến thú sở trị; hai là khi chánh tu hành đây, năng vì tư lương chân thật Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề; ba là khi chánh tu hành đây, năng tự nhiếp thọ nhiều ích hữu tình ngay trong hiện pháp; bốn là khi chánh tu hành đây, năng thu được các quả dị thực khả ái rộng lớn vô tận ở đời vị lai.

Bạch Thế Tôn! Tất cả Ba-la-mật-đa như vậy có nhân gì, quả gì, có nghĩa lợi gì?

Thiện nam tử! Nên biết Đại bi là nhân tất cả Ba-la-mật-đa. Các quả dị thực khả ái vi diệu nhiều ích tất cả hữu tình là quả. Viên mãn Vô thượng Bồ-đề rộng lớn là nghĩa lợi lớn.

Bạch Thế Tôn! Nếu chư Bồ-tát đầy đủ tất cả tài bảo vô tận, thành tựu Đại bi, duyên nào thế gian hiện có các chúng sanh bản cùng khả đắc?

Thiện nam tử! Là do tự nghiệp lỗi lầm gây tạo của các chúng sanh ấy. Nếu người không bị nghiệp như vậy, thường thấy Bồ-tát ôm lòng làm nhiều ích cho tâm họ, lại thường thấy chư Bồ-tát đầy đủ tài bảo vô tận. Nếu các chúng sanh tự không có ác nghiệp nặng làm chướng ngại, nào có thế gian nghèo khổ khả đắc! Thí như nọ quý bị nóng khát bức bách nơi thân, thấy nước trong biển lớn thấy đều khô kiệt, đây chẳng phải do lỗi của biển lớn kia, chỉ do tự nghiệp của các nọ quý. Như vậy chỗ thí tài bảo của Bồ-tát giống như biển lớn, không có lỗi lầm, chỉ do lỗi tự nghiệp gây tạo của chúng sanh mà không thấy được sự thí kia; cũng giống như lực ác nghiệp của chính các nọ quý khiến chúng không có quả tốt lành.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát dùng những Ba-la-mật-

đa nào năng nắm giữ tất cả pháp tánh vô tự tánh?

Thiện nam tử! Dùng Bát-nhã Ba-la-mật-đa năng nắm giữ các pháp tánh vô tự tánh.

Bạch Thế Tôn! Nếu dùng Bát-nhã Ba-la-mật-đa năng nắm giữ các pháp tánh vô tự tánh, có sao chẳng dụng đây để nắm giữ tánh có tự tánh?

Thiện nam tử! Ta trọn không thuyết dụng tánh vô tự tánh năng nắm giữ tánh vô tự tánh. Nhưng tánh vô tự tánh là các văn tự, tự chứng đắc bên trong, nhưng không thể xả ngôn thuyết văn tự mà có thể tuyên thuyết kia. Cho nên Ta thuyết dụng Bát-nhã Ba-la-mật-đa năng nắm giữ các pháp tánh vô tự tánh.

Bạch Thế Tôn! Như Phật đã thuyết về Ba-la-mật-đa, Cận Ba-la-mật-đa và Đại Ba-la-mật-đa. Sao gọi là Ba-la-mật-đa? Sao gọi là Cận Ba-la-mật-đa? Sao gọi là Đại Ba-la-mật-đa?

Thiện nam tử! Nếu chư Bồ-tát trải qua vô lượng thời tu hành thí... thành tựu hết thấy thiện pháp, các phiền não vẫn còn hiện hành mà chưa thể chế phục, lại bị chúng chế phục, đó là ở Thắng giải hành địa, lúc thắng giải phẩm hạ và phẩm trung chuyển. Đây gọi là Ba-la-mật-đa.

Lại ở trong vô lượng thời tu hành thí... lần hồi triển chuyển tăng thượng thành tựu thiện pháp, các phiền não vẫn còn hiện hành mà năng chế phục, không còn bị phiền não chế phục, đó là từ địa thứ nhất trở lên. Đây gọi là Cận Ba-la-mật-đa.

Lại ở trong vô lượng thời tu hành thí... càng thêm triển chuyển tăng thượng thành tựu thiện pháp, tất cả phiền não đều chẳng hiện hành, đó là từ địa thứ tám trở lên. Đây gọi là Đại Ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn! Trong các địa đây, phiền não tùy miên có bao nhiêu chủng?

Thiện nam tử! Lược có ba chủng. Một là tùy miên hại bạn, đó là năm địa đầu. Vì cơ sao? Thiện nam tử! Các phiền não không đồng sanh khởi hiện hành, mà là trợ bạn của phiền não đồng sanh khởi hiện hành, vì phiền não kia lúc bấy giờ vĩnh viễn không có trở lại, cho nên gọi là tùy miên hại bạn. Hai là tùy miên yếu kém, đó là ở trong địa thứ sáu và thứ bảy, tùy miên kia hiện hành vi tế, vì đã tu điều phục khiến chúng chẳng thể hiện hành. Ba là tùy miên vi tế, đó là ở địa thứ tám trở lên, từ đây trở đi các phiền não không hiện hành trở lại, chỉ

còn có sở tri chướng.

Bạch Thế Tôn! Đoạn bao nhiêu chủng thô trọng hiển thị đoạn các tùy miên đây?

Thiện nam tử! Do hai chủng. Một là đoạn thô trọng ở phần da, tức là hiển đoạn tùy miên thứ nhất, thứ hai. Hai là đoạn thô trọng ở phần thịt, tức là hiển đoạn tùy miên thứ ba. Nếu đoạn thô trọng ở phần xương, Ta thuyết vĩnh viễn lia tất cả tùy miên, ở Phật địa.

Bạch Thế Tôn! Trải qua bao nhiêu kiếp số không thể tính đếm, năng đoạn thô trọng như vậy?

Thiện nam tử! Trải qua ba đại kiếp số không thể tính đếm, hoặc vô lượng kiếp, chỗ gọi là năm, tháng, nửa tháng, ngày, đêm, một khắc, nửa khắc, hơi thở, nháy mắt, sát-na kiếp... không thể tính lường.

Bạch Thế Tôn! Nếu chư Bồ-tát ở trong các địa sanh khởi phiền não nên biết có tướng gì? Gì là lỗi lầm? Gì là công đức?

Thiện nam tử! Tướng không nhiễm ô. Vì có sao? Chư Bồ-tát đây ở trong địa thứ nhất quyết định đã khéo thông đạt pháp giới của tất cả các

pháp. Do nhân duyên đây, Bồ-tát thông hiểu mới khởi phiền não, chẳng phải là không hiểu biết mà khởi, cho nên gọi là tướng không nhiễm ô. Ở trong tự thân không còn sanh khổ, nên không có lỗi lầm. Nếu Bồ-tát sanh khởi phiền não như vậy, chỉ vì năng đoạn nhân khổ của hữu tình giới, cho nên chư Bồ-tát có vô lượng công đức.

Bạch Thế Tôn! Thật lạ thay! Chỉ có Vô thượng Bồ-đề mới có công đức lợi lớn như thế, khiến việc sanh khởi phiền não của chư Bồ-tát còn vượt hơn thiện căn của tất cả hữu tình, Thanh văn, Độc giác, hà huống vô lượng công đức khác.

Bạch Thế Tôn! Như Phật đã thuyết, hoặc Thanh văn thừa, hoặc Đại thừa, chỉ là một thừa. Đây có mật ý gì?

Thiện nam tử! Như Ta ở trong Thanh văn thừa kia tuyên thuyết chủng chủng tự tánh các pháp, chỗ gọi hoặc năm uẩn, hoặc nội sáu xứ, hoặc ngoại sáu xứ... hết thảy loại như vậy. Ở trong Đại thừa tức nói pháp kia đồng một pháp giới, đồng một lý thú. Nên Ta chẳng thuyết thừa có tánh sai khác. Trong đây có người như lời như nghĩa đã nói mà khởi phân biệt hư vọng, một loại cho là tăng

ích, một loại cho là tổn giảm. Lại ở nơi đạo lý các thừa sai khác đây mà chống đối lẫn nhau, triển chuyển xoay vần dấy khởi tranh luận. Như vậy gọi là mật ý của đây.

Bấy giờ Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa đây mà tụng kệ rằng:

*Các địa nhiếp tướng, sở đối trị
Thù thắng, sanh, nguyện và các học
Do nương Phật thuyết là Đại thừa
Ở đây khéo tu thành Đại giác.
Tuyên thuyết chủng chủng tánh các pháp
Lại thuyết đều đồng một lý thú
Đây hoặc hạ thừa hoặc thượng thừa
Ta thuyết thừa không tánh sai khác.
Như nghĩa đã nói vọng phân biệt
Hoặc kẻ tăng ích hoặc tổn giảm
Hai kẻ đây xoay vần chống đối
Ý hiểu ngu si thành tránh tụng.*

Bạch Thế Tôn! Trong pháp môn Giải Thâm Mật đây, giáo đây gọi là gì? Tôi phải phụng trì thế nào?

Thiện nam tử! Đây gọi là giáo liễu nghĩa các

địa Ba-la-mật-đa. Ở nơi giáo liễu nghĩa đây, ông nên phụng trì.

Khi thuyết giáo liễu nghĩa các địa Ba-la-mật-đa, ở trong đại hội có bảy mươi lăm ngàn Bồ-tát đều đắc Đại thừa Quang minh tam-ma-địa của Bồ-tát.

Lại nữa, nay thuyết *nương giả an lập thừa phân biệt sở tác sự thành tựu của chư Như Lai*.

Nên biết như trong *Kinh Giải Thâm Mật*, Mạn-Thù-Thất-Lợi Bồ-tát Ma-ha-tát thỉnh hỏi Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Như Phật đã thuyết về Pháp thân Như Lai, Pháp thân Như Lai có những tướng gì?

Phật bảo Mạn-Thù-Thất-Lợi Bồ-tát: Thiện nam tử! Nếu ở các địa Ba-la-mật-đa khéo tu xuất ly, thành tựu viên mãn chuyển y, đây gọi là tướng Pháp thân Như Lai. Nên biết tướng đây do hai nhân duyên nên không thể nghĩ bàn, đó là vì không hý luận và vì không chỗ làm. Nhưng ở trong đây, các chúng sanh kế chấp đả trước là có hý luận, có chỗ làm.

Bạch Thế Tôn! Chỗ đắc chuyển y của Thanh

văn, Độc giác có được gọi là Pháp thân không?

Thiện nam tử! Không được gọi là Pháp thân.

Bạch Thế Tôn! Nên gọi là thân gì?

Thiện nam tử! Đây gọi là thân giải thoát. Nếu nương thân giải thoát, thì nói tất cả Thanh văn, Độc giác và chư Như Lai bình đẳng như nhau. Nhưng nếu nương Pháp thân, thì nói có sự sai biệt. Vì có sao? Bởi Pháp thân Như Lai có vô lượng công đức sai biệt thù thắng hơn cả, dùng toán số thí dụ cũng không tính được.

Bạch Thế Tôn! Tôi làm sao biết được tướng Như Lai sanh khởi?

Thiện nam tử! Tất cả nghiệp tạo tác hóa thân của Như Lai như tất cả chủng loại sanh khởi trong thế giới. Những sự giữ gìn, trang nghiêm, gieo trồng các nhóm công đức của Như Lai là tướng. Nên biết tướng hóa thân có sanh khởi, tướng Pháp thân không sanh khởi.

Bạch Thế Tôn! Làm sao biết được phương tiện thiện xảo thị hiện hóa thân?

Thiện nam tử! Trong cõi nước Phật ở khắp tất cả tam thiên đại thiên, hoặc ở nơi vương gia, hoặc ở nhà đại phước, đều được mọi người biết đến, tôn

trọng; cùng lúc nhập thai, sanh ra, lớn lên, thọ dục, xuất gia, thị hiện hành khổ hạnh, xả khổ hạnh, thành Chánh Đẳng Giác. Thứ lớp thị hiện như vậy gọi là phương tiện thiện xảo thị hiện hóa thân của Như lai.

Bạch Thế Tôn! Tất cả thân Như Lai nhậm trì ngôn âm sai khác. Do ngôn âm đây mà Như Lai giáo hóa hữu tình, khiến kẻ chưa thành thực được thành thực, kẻ đã thành thực thì duyên đây làm cảnh nhanh chóng được giải thoát. Ngôn âm đây có bao nhiêu chủng?

Thiện nam tử! Ngôn âm Như Lai lược có ba chủng: một là Khế kinh; hai là Điều phục; ba là Bản mẫu.

Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Khế kinh? Sao gọi là Điều phục? Sao gọi là Bản mẫu?

Thiện nam tử! Nếu ở xứ đây, Ta nương nhiếp sự hiển thị các pháp thì gọi là Khế kinh. Đó là nương bốn sự, hoặc nương chín sự, hoặc lại nương hai mươi chín sự.

Sao gọi là bốn sự? Một là sự lắng nghe; hai là sự quay về hướng đến; ba là sự tu học; bốn là sự Bồ-đề.

Sao gọi là chín sự? Một là sự thi thiết hữu tình; hai là sự thọ dụng của kia; ba là sự sanh khởi của kia; bốn là sự sanh rồi trụ của kia; năm là sự nhiễm tịnh của kia; sáu là sự sai khác của kia; bảy là sự năng tuyên thuyết; tám là sự sở tuyên thuyết; chín là sự các chúng hội.

Sao gọi là hai mươi chín sự? Đó là: 1. Sự nương phẩm tạp nhiễm nhiếp các hành; 2. Sự thứ tự tùy chuyển của kia; 3. Sự tức trong đây tác tướng bố-đặc-già-la rồi, là nhân lưu chuyển ở đương lai; 4. Sự tác tướng pháp rồi, là nhân lưu chuyển ở đời đương lai; 5. Sự nương phẩm thanh tịnh, tâm bị hệ buộc ở cảnh sở duyên; 6. Sự tức ở trong đây siêng năng tinh tấn; 7. Sự tâm an trụ; 8. Sự hiện pháp lạc trú; 9. Sự duyên phương tiện vượt qua tất cả khổ; 10. Sự biết khắp kia; đây lại có 3 chủng: biết khắp chỗ nương của diên đảo; biết khắp chỗ nương của hữu tình bên ngoài nương tướng hữu tình, hành tà hạnh; biết khắp chỗ nương của lìa tăng thượng mạn bên trong ; 11. Sự nương xứ tu; 12. Sự tác chứng; 13. Sự tu tập; 14. Sự khiến kia kiên cố; 15. Sự hành tướng kia; 16. Sự sở duyên kia; 17. Sự khéo léo quán sát đã đoạn chưa đoạn; 18. Sự tán

loạn kia; 19. Sự không tán loạn kia; 20. Sự nương vào không tán loạn; 21. Sự không xả bỏ nỗ lực tu gia hạnh; 22. Sự lợi ích thù thắng của việc tu tập; 23. Sự kiên định bền chắc; 24. Sự nhiếp hạnh của bậc thánh; 25. Sự nhiếp hạnh quyền thuộc của bậc thánh; 26. Sự thông đạt chân thật; 27. Sự chứng đắc Niết-bàn; 28. Sự ở trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, chánh kiến thế gian thì vượt hơn sở đắc tất cả chánh kiến tốt đỉnh của ngoại đạo; 29. Sự tức ở trong đây có tu tập không thối thất. Ở trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, vì không tu tập nên gọi là thối, chẳng phải vì lỗi lầm của kiến mà gọi là thối.

Mạn-Thù-Thất-Lợi! Nếu ở nơi xứ đây, Ta nương Thanh văn và chư Bồ-tát mà hiển thị Biệt giải thoát cùng các pháp tương ưng Biệt giải thoát, đây gọi là Điều phục.

Bạch Thế Tôn! Biệt giải thoát Bồ-tát nhiếp thuộc bao nhiêu tướng?

Thiện nam tử! Nên biết bảy tướng: một là vì sự tuyên thuyết thọ quý tặc; hai là vì sự tuyên thuyết thuận theo pháp xứ *vượt hơn người*; ba là vì sự tuyên thuyết thuận theo hủy phạm; bốn là vì

tuyên thuyết có phạm tự tánh; năm là vì tuyên thuyết không phạm tự tánh; sáu là vì tuyên thuyết ra khỏi chỗ phạm; bảy là vì tuyên thuyết hoàn xả luật nghi.

Mạn-Thù-Thất-Lợi! Nếu ở xứ đây, Ta dùng mười một chủng tướng để quyết rõ hiển thị phân biệt các pháp, đây gọi là Bản mẫu. Những gì gọi là mười một chủng tướng? Một là tướng thế tục; hai là tướng thắng nghĩa; ba là tướng sở duyên pháp Bồ-đề phân; bốn là tướng hành; năm là tướng tự tánh; sáu là tướng quả kia; bảy là tướng lãnh thọ khai thị kia; tám là tướng pháp chướng ngại kia; chín là tướng pháp thuận theo kia; mười là tướng quá hoạn của kia; mười một là tướng lợi ích thù thắng của kia.

Tướng thế tục có ba chủng: một là vì tuyên thuyết bổ-đặc-già-la; hai là vì tuyên thuyết tự tánh biến kế sở chấp; ba là vì tuyên thuyết tạo tác nghiệp dụng của các pháp.

Tướng thắng nghĩa: vì tuyên thuyết bảy chủng chân như.

Tướng sở duyên pháp Bồ-đề phân: vì tuyên thuyết ở khắp tất cả chủng sự sở tri.

Tướng hành: vì tuyên thuyết tám quán hành. Sao gọi là tám quán hành? Một là vì thật đế; hai là vì an trụ; ba là vì lỗi lầm; bốn là vì công đức; năm là vì lý thú; sáu là vì lưu chuyển; bảy là vì đạo lý; tám là vì chung, riêng.

Thật đế: là các pháp chân như.

An trụ: hoặc an lập bổ-đặc-già-la; hoặc an lập tự tánh biến kế sở chấp của các pháp; hoặc an lập một hướng phân biệt phản hồi, an đặt ký biệt; hoặc an lập ký biệt ẩn mật, hiển rõ sai biệt.

Lỗi lầm: ở đây Ta tuyên thuyết các pháp tạp nhiễm có vô lượng môn quá hoạn sai biệt.

Công đức: ở đây Ta tuyên thuyết các pháp thanh tịnh có vô lượng môn thắng lợi sai biệt.

Lý thú có sáu chủng: một là lý thú chân nghĩa; hai là lý thú chứng đắc; ba là lý thú dạy dẫn; bốn là lý thú xa lìa hai biên; năm là lý thú không thể nghĩ bàn; sáu là lý thú ý thú.

Lưu chuyển: chỗ gọi ba đời, ba tướng hữu vi và bốn chủng duyên.

Đạo lý có bốn chủng: một là quán đãi đạo lý; hai là tác dụng đạo lý; ba là chứng thành đạo lý; bốn là pháp nhĩ đạo lý.

Quán đāi đạo lý: hoặc nhân, hoặc duyên năng sanh các hành và theo đó phát khởi nói năng luận bàn. Như vậy gọi là quán đāi đạo lý.

Tác dụng đạo lý: hoặc nhân, hoặc duyên năng đăc các pháp, hoặc năng thành tựu trọn vẹn, hoặc lại sanh rồi tạo tác các nghiệp dụng. Như vậy gọi là tác dụng đạo lý.

Chứng thành đạo lý: hoặc nhân, hoặc duyên năng khiến chỗ kiến lập nghĩa, chỗ thuyết nghĩa, chỗ nêu nghĩa được thành lập, khiến hiểu biết thông đạt chân chánh. Như vậy gọi là chứng thành đạo lý.

Lại, đạo lý đây lược có hai chủng: một là thanh tịnh; hai là không thanh tịnh. Do năm chủng tướng gọi là thanh tịnh và bảy chủng tướng gọi là không thanh tịnh.

Sao gọi là do năm chủng tướng gọi là thanh tịnh? Một là tướng hiện thấy được; hai là tướng nương vào chỗ hiện thấy được; ba là tướng dẫn bằng thí dụ tự loại; bốn là tướng viên thành thật; năm là tướng ngôn giáo thiện thanh tịnh.

Tướng hiện thấy được: Tất cả hành đều là tánh vô thường. Tất cả hành đều là tánh khổ. Tất

cả pháp đều tánh vô ngã. Đây là chỗ thấy được thuộc hiện lượng thế gian. Hết thấy loại như vậy gọi là tướng hiện thấy được (hiện lượng).

Tướng nương vào chỗ hiện thấy được: như “tất cả hành đều có tánh sát-na”, đây nương vào “tánh vô thường” mới hiện khả đắc. Như “có tánh đời khác”, đây nương vào “các hữu tình có chủng chủng nghiệp, chủng chủng sai biệt” mới hiện khả đắc. Như “nghiệp tịnh, bất tịnh tánh không hoại mất”, đây nương vào “các hữu tình hoặc vui hoặc khổ, nghiệp tịnh bất tịnh” mới hiện khả đắc. Do nhân duyên đây đối với những điều không hiện thấy được cũng có thể so sánh. Hết thấy loại như vậy gọi là tướng nương vào chỗ hiện thấy được (tỷ lượng).

Tướng dẫn bằng thí dụ tự loại: như các tụ hành trong và ngoài. Vì hiển các tụ hành bên trong, nên lấy sanh tử làm thí dụ, dẫn người trong thế gian cùng được rõ biết; nên lấy chủng chủng tướng khổ sanh... làm thí dụ, dẫn người trong thế gian cùng rõ biết; nên lấy tướng không tự tại làm thí dụ, dẫn người trong thế gian cùng được rõ biết. Vì hiển các tụ hành bên ngoài, nên lấy chỗ hưng

thạnh, suy vong làm thí dụ, dẫn người trong thế gian cùng được rõ biết. Hết thấy loại như vậy gọi là tướng dẫn bằng thí dụ tự loại.

Tướng viên thành thật: tức là tướng hiện thấy được, hoặc tướng nương vào chỗ hiện thấy được, hoặc tướng dẫn bằng thí dụ tự loại, ở nơi điều thành lập quyết định năng thành tựu. Đây gọi là tướng viên thành thật.

Tướng ngôn giáo thiện thanh tịnh: là tất cả sở tuyên thuyết của bậc trí, như thuyết “Niết-bàn rốt ráo tịch tĩnh”. Hết thấy loại như vậy gọi là tướng ngôn giáo thiện thanh tịnh.

Thiện nam tử! Cho nên do năm chủng tướng đây gọi là khéo quán sát đạo lý thanh tịnh. Bởi thanh tịnh nên phải tu tập.

Bạch Thế Tôn! Tướng của bậc Nhất thiết trí có bao nhiêu chủng?

Thiện nam tử! Lược có năm chủng. Một là nếu có bậc Nhất thiết trí xuất hiện thế gian, âm thanh truyền khắp mọi chốn. Hai là thành tựu ba mươi hai chủng tướng Đại tượng phư. Ba là đầy đủ mười lực, năng đoạn trừ tất cả nghi hoặc của tất cả chúng sanh. Bốn là đầy đủ bốn vô sở úy, tuyên

thuyết chánh pháp không bị tất cả luận khác hàng phục, mà năng hàng phục tất cả tà luận. Năm là ở trong tất cả pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, tám Thánh đạo chi, bốn quả Sa-môn... đều hiện khả đắc. Như vậy tóm lược có năm chủng, đó là vì sanh, vì tướng, vì đoạn lưới nghi, vì không bị người chiết phục mà năng chiết phục người và vì thánh đạo Sa-môn hiện khả đắc, nên được gọi là tướng của bậc Nhất thiết trí.

Thiện nam tử! Như vậy chúng thành đạo lý do hiện lượng, do tỷ lượng, do thánh giáo lượng, do năm chủng tướng được gọi là thanh tịnh.

Sao gọi là do bảy chủng tướng không thanh tịnh? Một là tướng khác với đồng loại đây khả đắc; hai là tướng khác với dị loại đây khả đắc; ba là tướng tất cả đồng loại khả đắc; bốn là tướng tất cả dị loại khả đắc; năm là tướng dùng khác loại thí dụ; sáu là tướng không viên thành thật; bảy là tướng không phải ngôn giáo thiện thanh tịnh.

Hoặc tất cả pháp có tướng, tánh ý, thức, sở thức, đây gọi là tướng tất cả đồng loại khả đắc.

Hoặc tất cả pháp có tướng, tánh, nghiệp, pháp, nhân, quả mỗi mỗi khác biệt. Tùy mỗi mỗi tướng

khác nhau mà quyết định triển chuyển thành mỗi mỗi tướng khác nhau. Đây gọi là tướng tất cả dị loại khả đắc.

Thiện nam tử! Hoặc ở nơi tướng khác với đồng loại đây khả đắc và trong thí dụ có tướng tất cả dị loại, do nhân duyên đây, ở nơi điều thành lập không được quyết định. Đây gọi là tướng không viên thành thật.

Hoặc ở nơi tướng khác với dị loại đây khả đắc và trong thí dụ có tướng tất cả đồng loại, do nhân duyên đây, ở nơi điều thành lập không được quyết định, nên cũng gọi là tướng không viên thành thật. Vì chẳng phải viên thành thật, nên chẳng phải khéo quán sát đạo lý thanh tịnh. Vì không thanh tịnh nên không tu tập. Hoặc tướng dẫn bằng thí dụ dị loại, hoặc tướng chẳng phải ngôn giáo thiện thanh tịnh, nên biết thể tánh đều không thanh tịnh.

Pháp nhĩ đạo lý: tức là Như Lai xuất hiện ở đời hoặc không xuất hiện ở đời, pháp tánh pháp trụ pháp giới an trụ. Đây gọi là pháp nhĩ đạo lý.

Chung, riêng: tức là trước dùng một cú pháp để thuyết chung, sau dùng các cú sai khác để phân

biệt hiển rõ rớt ráo.

Tướng tự tánh: như Ta đã thuyết “có hành, có duyên sở hữu năng thủ pháp Bồ-đề phần, đó là nhiệm trụ”... Như vậy gọi là tướng tự tánh kia.

Tướng quả kia: tức là đoạn trừ các phiền não của thế gian hoặc xuất thế gian và chỗ dẫn phát các quả công đức thế gian, xuất thế gian. Như vậy gọi là được tướng quả kia.

Tướng lãnh thọ khai thị: tức ở nơi kia dụng trí giải thoát mà lãnh thọ, cùng rộng vì người tuyên thuyết khai thị. Đây gọi là tướng lãnh thọ khai thị kia.

Tướng pháp chướng ngại kia: tức ở nơi tu tập pháp Bồ-đề phần có các pháp nhiệm ô năng chướng ngại. Đây gọi là pháp tướng chướng ngại kia.

Tướng pháp thuận theo kia: tức ở nơi tu tập pháp Bồ-đề phần có nhiều sự thực hành pháp. Đây gọi là tướng pháp thuận theo kia.

Tướng quá hoạn kia: tức là sở hữu lỗi lầm của các pháp chướng ngại kia. Đây gọi là tướng quá hoạn kia.

Tướng lợi ích thù thắng kia: tức là sở hữu công đức của các pháp thuận theo kia. Đây gọi là

tướng thắng lợi kia.

Mạn-Thù-Thất-Lợi Bồ-tát lại bạch Phật rằng: Duy nguyện Thế Tôn vì chư Bồ-tát lược thuyết Khế kinh, Điều phục và Bản mẫu, nghĩa Đà-la-ni bất cộng ngoại đạo. Do nghĩa bất cộng Đà-la-ni khiến chư Bồ-tát được nhập sở thuyết các pháp mật ý thậm thâm của chư Như Lai.

Phật bảo Mạn-Thù-Thất-Lợi Bồ-tát rằng: Thiện nam tử! Ông nên lắng nghe, nay Ta vì ông lược thuyết nghĩa bất cộng Đà-la-ni, khiến chư Bồ-tát đối với sở thuyết ngôn từ mật ý của Ta năng khéo ngộ nhập.

Thiện nam tử! Hoặc pháp tạp nhiễm, hoặc pháp thanh tịnh, Ta thuyết tất cả đều không có tác dụng, cũng đều không có bổ-đặc-già-la, vì lấy tất cả chủng đều là làm tạo. Không phải pháp tạp nhiễm, trước nhiễm sau tịnh. Không phải pháp thanh tịnh, trước nhiễm sau tịnh. Phạm phu dị sanh nơi thân thô trọng chấp trước các pháp. Bổ-đặc-già-la tự tánh sai biệt vì lấy vọng kiến tùy miên làm duyên, nên kế chấp ngã, ngã sở. Do đây vọng cho là ta thấy, ta nghe, ta ngửi, ta nếm, ta xúc, ta biết, ta ăn, ta làm, ta nhiễm, ta tịnh... hết

thầy loại như vậy. Do đó triển chuyển theo tà gia hạnh. Nếu có người như thật biết như vậy, liền năng vĩnh viễn đoạn trừ thân thô trọng, không trụ tất cả phiền não, lia các hý luận, chỉ nương vô vi, không còn gia hạnh, tối cực thanh tịnh. Thiện nam tử! Đây gọi là lược thuyết nghĩa bất cộng Đà-la-ni.

Bấy giờ Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa đây mà thuyết kệ rằng:

*Tất cả pháp tạp nhiễm thanh tịnh
 Đều không tác dụng, người làm tạo,
 Nên Ta tuyên thuyết lia sở vi
 Nhiễm ô thanh tịnh không trước sau.
 Nơi thân thô trọng, kiến tùy miên
 Làm duyên kế chấp ngã, ngã sở,
 Do đây vọng cho ta thấy thấy
 Ta ăn, ta làm, ta nhiễm tịnh.
 Nếu người như thật biết như vậy
 Tức năng đoạn hẳn thân thô trọng,
 Được không nhiễm tịnh không hý luận
 Y chỉ vô vi không gia hạnh.*

Bấy giờ Ma-nhù-Thất-Lợi bạch Phật rằng:

Bạch Thế Tôn! Làm sao biết tướng tâm sanh khởi của chư Như Lai?

Phật bảo Mạn-Thù-Thất-Lợi Bồ-tát rằng: Thiện nam tử! Phàm chư Như Lai không có tâm ý thức sanh khởi hiển hiện. Nhưng chư Như Lai có tâm pháp sanh khởi không do gia hạnh, nên biết việc đây giống như biến hóa.

Bạch Thế Tôn! Nếu Pháp thân chư Như Lai xa lìa tất cả gia hạnh, đã không có gia hạnh làm sao có tâm pháp sanh khởi?

Thiện nam tử! Do lực tu tập phương tiện gia hạnh Bát-nhã trước kia, nên có tâm sanh khởi.

Thiện nam tử! Thí như đang vô tâm nhập vào ngủ nghỉ, chẳng do sở tác gia hạnh mới có thể thức dậy, đây chỉ do thế lực huân tập gia hạnh từ trước mà thức dậy. Lại như đang ở trong Diệt tận định, chẳng do sở tác gia hạnh mới năng từ định khởi, chỉ do thế lực sở tác gia hạnh từ trước nên từ định khởi. Như thí dụ tâm liền sanh khởi từ ngủ nghỉ và Diệt tận định, thì chư Như Lai cũng vậy, do lực tu tập phương tiện gia hạnh Bát-nhã trước kia, nên biết lại có tâm pháp sanh khởi.

Bạch Thế Tôn! Hóa thân Như Lai nên nói là

có tâm, hay nói là không tâm?

Thiện nam tử! Không phải có tâm, cũng không phải không tâm. Vì có sao? Vì “không” là nương tựa tâm, vì “có” là nương tha tâm vậy.

Bạch Thế Tôn! Sở hành Như Lai và cảnh giới Như Lai, hai chủng đây có gì sai khác?

Thiện nam tử! Sở hành Như Lai là tất cả chủng bao gồm vô lượng công đức chẳng thể nghĩ bàn của Như Lai trang nghiêm thanh tịnh cõi nước Phật. Cảnh giới Như Lai là tất cả chủng bao gồm năm giới sai biệt. Những gì là năm? Một là hữu tình giới; hai là thế giới; ba là pháp giới; bốn là điều phục giới; năm là phương tiện điều phục giới. Như vậy gọi là sự sai khác của hai chủng.

Bạch Thế Tôn! Như Lai thành Chánh đẳng giác, chuyển Chánh pháp luân, nhập Đại Niết-bàn, ba chủng như vậy nên biết có tướng thế nào?

Thiện nam tử! Nên biết tướng của ba chủng đây đều không hai, đó là không phải thành Chánh đẳng giác, không phải không thành Chánh đẳng giác; không phải chuyển Chánh pháp luân, không phải không chuyển Chánh pháp luân; không phải nhập Đại Niết-bàn, không phải không nhập Đại

Niết-bàn. Vì cố sao? Vì Pháp thân Như Lai rất ráo tịnh vậy, vì hóa thân Như Lai thường thị hiện vậy.

Bạch Thế Tôn! Các loài hữu tình chỉ ở nơi hóa thân mà thấy, nghe, phụng sự cũng khiến sanh các công đức. Như Lai với kia có nhân duyên gì?

Thiện nam tử! Như Lai chính là nhân duyên sở duyên khiến công đức kia tăng thượng. Lại vì hóa thân kia là do lực Như Lai khiến giữ gìn mà trụ được.

Bạch Thế Tôn! Hết thấy không gia hạnh, vậy nhân duyên gì Pháp thân Như Lai vì các hữu tình phóng đại trí quang và phóng xuất vô lượng ảnh tượng hóa thân? Thân giải thoát của Thanh văn, Độc giác không có việc như vậy?

Thiện nam tử! Thí như không cần tác gia hạnh, theo sự luân chuyển của hai vòng mặt trời, mặt trăng, mà bảo phủ-chi-ca lửa, nước phóng ánh sáng lớn. Nếu chẳng phải bảo phủ-chi-ca lửa, nước thì không có việc như vậy. Đây do oai đức của hữu tình giữ gìn và do nghiệp lực của hữu tình tăng thượng mà có việc ấy. Lại như khéo ra công lực mài giũa, khắc chạm, trang trí khiến bảo châu ma-ni hiện lên các hoa văn ảnh tượng. Ngoài sự khắc chạm

không có việc như vậy. Do đó, duyên nơi vô lượng pháp giới phương tiện Bát-nhã, thật khéo léo tu tập bền chắc, mài giũa tập thành diệu Pháp thân Như Lai. Từ đây năng phóng trí đại quang minh, cùng phóng xuất chủng chủng ảnh tượng hóa thân. Chẳng phải từ thân giải thoát của Thanh văn, Độc giác mà có việc như vậy.

Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn đã thuyết, do uy đức trụ trì của chư Như Lai, Bồ-tát khiến các chúng sanh ở trong Dục giới sanh vào nhà giàu sang sung túc, nhà Sát-đế-lợi, nhà Bà-la-môn... có được thân mạng, tài bảo đều đầy đủ sung mãn. Hoặc ở trong trời Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, tất cả thân mạng tài bảo đều viên mãn. Bạch Thế Tôn! Trong đây có mật ý gì?

Thiện nam tử! Uy đức trụ trì của chư Như Lai, Bồ-tát hoặc đạo hoặc hạnh, ở tất cả xứ năng khiến chúng sanh thu được thân mạng tài bảo đều đầy đủ sung mãn. Đó là tùy chỗ thích hợp vì họ tuyên thuyết đạo như vậy, hạnh như vậy, nếu có người năng ở nơi đạo đây hạnh đây chánh tu hành, thì ở tất cả xứ đều thu được thân mạng tài bảo đầy đủ sung túc. Nếu có chúng sanh ở nơi đạo đây hạnh

đây mà lìa bỏ khinh hủy, lại ở nơi chỗ Ta khởi tâm tổn não, cùng tâm sân khuể, thì mạng chung trở về sau, ở tất cả xứ, chỗ được thân mạng tài bảo đều thấp kém.

Thiện nam tử! Do nhân duyên đây nên biết uy đức trụ trì của chư Như Lai, Bồ-tát không phải chỉ năng khiến thân mạng tài bảo được đầy đủ sung mãn, mà cũng khiến chúng sanh có thân mạng tài bảo thấp kém.

Bạch Thế Tôn! Trong các cõi nước như ướ, việc gì dễ được, việc gì khó được? Trong các cõi nước thanh tịnh, việc gì dễ được, việc gì khó được?

Thiện nam tử! Trong các cõi nước như ướ có tám việc dễ được và hai việc khó được. Những gì gọi là tám việc dễ được? Một là ngoại đạo; hai là có chúng sanh khổ; ba là chủng tộc gia thế hưng suy sai biệt; bốn là hành các ác hạnh; năm là hủy phạm giới; sáu là đường ác; bảy là thừa bậc hạ; tám là ý lạc gia hạnh của Bồ-tát yếu kém. Gì là hai việc khó được? Một là sự tu tập gia hạnh, ý lạc tăng thượng của Bồ-tát; hai là Như Lai xuất hiện nơi đời.

Thiện nam tử! Trong các cõi nước thanh tịnh

thì trái với tướng trên, nên biết có tám việc rất khó được và hai việc dễ được.

Bạch Thế Tôn! Ở trong pháp môn Giải Thâm Mật đây, giáo đây gọi là gì? Tôi phụng trì thế nào?

Thiện nam tử! Đây gọi là giáo liễu nghĩa sở tác sự thành tựu của Như Lai. Ở nơi giáo liễu nghĩa sở tác sự thành tựu của Như Lai đây, ông phải phụng trì.

Khi thuyết giáo liễu nghĩa sở tác sự thành tựu của Như Lai, ở trong đại hội có bảy mươi lăm ngàn Bồ-tát Ma-ha-tát đều được chứng giác Pháp thân viên mãn.



Quyển 79

Thứ 15. BỒ TÁT ĐỊA

Phần 8

Như vậy Ta đã thuyết quyết trạch phẩm Công đức.

Hỏi: Như đã thuyết về năm chủng vô lượng, đó là hữu tình giới vô lượng... Tất cả thế giới kia phải nói là như nhau, hay có sự sai khác?

Đáp: Phải nói có sự sai khác. Thế giới kia lại có hai chủng: một là thanh tịnh; hai là không thanh tịnh. Ở trong thế giới thanh tịnh không có địa ngục, bàng sanh, quỷ thú khá được, cũng không Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, cũng không thọ khổ khá có được; chỉ thuần Bồ-tát Tăng dưng nghỉ trong ấy, cho nên thuyết là thế giới thanh tịnh. Chỉ có Bồ-tát đã nhập địa thứ ba, do lực nguyện tự tại mà được thọ sanh ở thế giới thanh tịnh. Không có dị sanh, cũng không phải dị sanh Thanh văn, Độc giác, hoặc dị sanh Bồ-tát mà được sanh thế giới kia.

Hỏi: Nếu ở thế giới kia không có dị sanh Bồ-

tát, cũng không phải dị sanh Thanh văn, Độc giác được sanh trong ấy, nhân duyên nào lúc giáo hóa cho hàng Bồ-tát có tác thuyết như vậy: “Nếu Bồ-tát... có ý nguyện sanh ở kia”, như vậy tất cả lẽ đều sẽ được vãng sanh?

Đáp: Vì muốn giáo hóa chúng sanh chủng loại giải đãi, chưa tích tập thiện căn, nên mật ý tác thuyết như thế. Vì cơ sao? Khi người kia được sách tấn khích lệ như vậy, liền xa lìa giải đãi, siêng tu gia hạnh ở trong thiện pháp. Từ đây lần hồi thăng tiến nên đủ lực sanh vào thế giới kia, sẽ đắc pháp tánh. Nên biết gọi là mật ý trong đây.

Lại nữa, Bồ-tát nương bốn chủng trụ năng thành tựu bốn việc.

Sao gọi là bốn trụ? 1. Trụ cực hoan hỷ; 2. Trụ tăng thượng giới; 3. Trụ tăng thượng tâm; 4. Trụ tăng thượng tuệ.

Sao gọi là trụ cực hoan hỷ? Chư Bồ-tát tùy chỗ an trụ, vì đã nhập Ý lạc thanh tịnh tăng thượng địa, cho đến sẽ ngồi tòa diệu Bồ-đề, không bị duyên khác dẫn đoạt khiến mất đi ý lạc thanh tịnh đối với Tam Bảo.

Sao gọi là trụ tăng thượng giới? Chư Bồ-tát nương trụ cực hoan hỷ như vậy, từ đây trở lên tùy chỗ an trụ đầy đủ tánh giới, xa lìa tất cả keo lẩn, lầm phạm giới. Tức dụng giới xả viên mãn như vậy, hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề .

Sao gọi là trụ tăng thượng tâm? Chư Bồ-tát nương trụ tăng thượng giới như vậy, từ đây trở lên tùy chỗ an trụ, lìa tham Dục giới, thành tựu tịnh lực cùng các đẳng chí; đối với các chúng sanh an trụ từ bi, tùy lực tùy khả năng như thật chánh hạnh.

Sao gọi là trụ tăng thượng tuệ? Chư Bồ-tát nương trụ tăng thượng tâm như vậy, từ đây trở lên tùy chỗ an trụ, lìa hồi năng thành tựu pháp Bồ-đề phần, các đế thiện xảo, duyên khởi thiện xảo, bất cộng pháp an lập trí thiện xảo, vượt qua cộng sở chứng trí của tất cả Thanh văn, Độc giác thiện xảo. Trong đây bất cộng pháp an lập trí đó là: mật ý ngôn từ trí, phi an lập đế trí và an lập đế trí ở trong tạng Bồ-tát. Trong đây cộng sở chứng trí đó là trí chứng đắc do nương duyên khởi.

Sao gọi là nương bốn trụ đây năng thành tựu bốn việc? Chư Bồ-tát nương trụ ban đầu, cho đến sẽ ngồi tòa diệu Bồ-đề, trọn không xả bỏ

tâm Đại Bồ-đề.

Nương trụ thứ hai, cho đến sẽ ngồi tòa diệu Bồ-đề, ở đời đương lai thân mạng, tài bảo, phẩm thiện chuyển vận càng thêm tăng trưởng.

Nương trụ thứ ba, vì muốn làm lợi ích cho các hữu tình, nên chuyển nhập các tinh lực, dùng lực đại nguyện sanh trở lại Dục giới mà không bị sự nhiễm ô của triền phiền nào dục.

Nương trụ thứ tư, ở nơi tất cả pháp an lập thông đạt mà được thiện xảo. Vì độ chúng sanh nên phát thệ nguyện thọ nơi sanh tử. Nhân lực thệ nguyện đây nên năng tích tập tư lương rộng lớn. Tức ở trụ đây thanh tịnh làm nhân, không đợi an trụ ở trụ khác, cũng không đợi người dạy răn dạy trao mà nhanh chóng chứng đắc diệu trí Như Lai.

Hỏi: Bồ-tát lấy gì làm khổ?

Đáp: Tổn não chúng sanh làm khổ.

Hỏi: Bồ-tát lấy gì làm vui?

Đáp: Nhiều ích chúng sanh làm vui.

Hỏi: Bồ-tát lấy gì làm tác ý?

Đáp: Ngộ nhập vào ngần mé cảnh giới sở tri và năng làm tất cả việc lợi ích chúng sanh

làm tác ý.

Hỏi: Bồ-tát lấy gì làm trụ?

Đáp: Lấy vô phân biệt làm trụ.

Lại nữa, Bồ-tát lược có bốn chương phẩm thượng, nếu không thanh tịnh trừ khiển, trọn không kham năng nhập Bồ-tát địa và thứ lớp các địa. Những gì là bốn? 1. Trong Tỳ-nại-da Bồ-tát, khởi phạm nhiễm ô; 2. Hủy báng diệu pháp tương ưng Đại thừa; 3. Chưa tích tập thiện căn; 4. Có tâm nhiễm ái.

Vì muốn đối trị bốn chương như vậy, lại có bốn chủng pháp tịnh trừ chương. Những gì là bốn? 1. Đối khắp mười phương chỗ chư Như Lai, thân tâm khẩn thiết phát lồ sám hối lỗi đã phạm; 2. Khắp vì lợi ích tất cả mười phương các loại hữu tình mà khuyến thỉnh tất cả chư Như Lai thuyết pháp; 3. Khắp ở mười phương tất cả hữu tình tạo làm các công đức đều sanh tùy hỷ; 4. Phạm chỗ sanh khởi tất cả thiện căn, thấy đều hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Lại nữa, Bồ-tát đã nhập đại địa có bốn vi tế khó thể biết khắp, khó thể đoạn trừ. Các tùy phiền não như vậy, chư Bồ-tát kia phải rõ biết tất cả,

phải chân chánh đoạn trừ. Những gì là bốn? 1. Ái pháp; 2. Tác ý tương ưng Thanh văn, Độc giác; 3. Đắm trước các mùi vị đẳng chí; 4. Sự nghiệp của chúng ma, tức là ở nơi các tướng tâm bị tán động, nên biết đều là sự nghiệp các chúng ma.

Hỏi: Bồ-tát đã nhập địa đầu tiên có những tướng gì?

Đáp: Đã vượt qua các dị sanh địa, đã nhập Bồ-tát chánh tánh ly sanh. Do đã nhập, nên không gọi là dị sanh. Vượt qua tất cả chỗ có sợ hãi, đặc pháp vô thượng chưa từng đắc. Thường năng an trụ nơi trụ Cực hoan hỷ.

Hỏi: Bồ-tát đã nhập địa thứ hai có những tướng gì?

Đáp: Ở trong Tỳ-nại-da, pháp nhĩ tự nhiên thành tựu dừng hẳn tất cả sở học tự tánh Thanh văn. Năng ở nơi thân ngữ ý nghiệp hiện hành thanh tịnh, nên năng xa lìa các cấu phạm giới.

Hỏi: Bồ-tát đã nhập địa thứ ba có những tướng gì?

Đáp: Bên trong đạt được sự chuyển vận đạo Xa-ma-tha sung mãn, do đây chứng đắc quang minh nhĩ diệm.

Hỏi: Bồ-tát đã nhập địa thứ tư có những tướng gì?

Đáp: Vì bên trong đạt được sự chuyển vận đạo Tỳ-bát-xá-na sung mãn, kiến lập trí diệm năng tiêu đốt phiền não. Do đây ở nơi tất cả sở hữu pháp Bồ-đề phần như đã chứng an lập thiện xảo.

Hỏi: Bồ-tát đã nhập địa thứ năm có những tướng gì?

Đáp: Vì vượt qua tất cả trí thế gian, vì vượt qua tất cả trí Thanh văn, Độc giác, nên năng thắng tiến ngộ nhập để không thể nghĩ bàn, đạo rất khó vượt qua.

Hỏi: Bồ-tát đã nhập địa thứ sáu có những tướng gì?

Đáp: Ngộ nhập sâu xa đạo lý duyên khởi. Ở nơi tất cả hành, trụ tướng nhằm chán trái lìa. Ở nơi vô tướng giới, nhiều thú hưởng an trụ tác ý tư duy.

Hỏi: Bồ-tát đã nhập địa thứ bảy có những tướng gì?

Đáp: Có dụng công gia hạnh không gián đoạn, không khuyết hở. Ở nơi vô tướng giới tác ý năng nhập, nhưng còn xa. Ở nơi đạo gia hạnh đã đạt đến rốt ráo.

Hỏi: Bồ-tát đã nhập địa thứ tám có những tướng gì?

Đáp: Vì ở nơi tác ý vô tướng giới không gia hạnh không dụng công đã được nhậm vận chuyển, nên không bị diêu động. Vì ở nơi tất cả tướng đã được tự tại, nên trụ thanh tịnh địa.

Hỏi: Bồ-tát đã nhập địa thứ chín có những tướng gì?

Đáp: Vì nơi danh thân, cú thân, văn thân đã được tự tại, vì đặc tuệ không tội rộng sâu vô lượng, vì đặc vô ngại giải rộng lớn, vì năng làm vui thích tất cả tâm chúng sanh, cho nên được gọi là Đại pháp sư.

Hỏi: Bồ-tát đã nhập địa thứ mười có những tướng gì?

Đáp: Vì đã được tất cả Như Lai đồng quán đánh, vì đã đặc Pháp thân như mây lớn, vì đã đặc tất cả đại thần thông, cho nên cũng gọi là Như Lai.

Hỏi: Bồ-tát nhập Như Lai địa có những tướng gì?

Đáp: Chỗ được Pháp thân ở địa đây lại càng thanh tịnh cùng cực, đã thành tựu viên mãn rất ráo. Do đây ở nơi tất cả chủng phiến não chướng

và sở tri chướng đều vĩnh viễn xa lìa, đắc tri kiến thanh tịnh.

Hỏi: Ở các địa đây, sao gọi là tạo tác tu?

Đáp: Nếu lúc chư Bồ-tát trụ Thắng giải hành địa, tiếp tục nương theo mười địa mà tu mười pháp hạnh.

Hỏi: Ở trong các địa đây, làm sao mà đắc?

Đáp: Nếu chư Bồ-tát chứng nhập Bồ-tát chánh tánh ly sanh, lại chứng đắc thanh tịnh ý lạc, bấy giờ nhanh chóng đắc tất cả các địa.

Hỏi: Ở trong các địa đây, sao gọi là đẳng lưu?

Đáp: Tức là ở trong tất cả địa chứng đắc rồi, về sau sở hữu uy đức do tu tập các đạo gia hạnh mà thành tựu.

Hỏi: Ở các địa đây, làm sao thành tựu viên mãn?

Đáp: Trong mỗi một địa đều sở hữu uy đức riêng. Chư Bồ-tát ở nơi uy đức mỗi địa đây, trải qua vô lượng trăm ngàn đại kiếp, tùy chỗ xưng khen tán thán mà theo đó tu tập, cho đến nhập vận năng chứng đắc.

Hỏi: Như đã thuyết về năm chủng nhập chánh tánh ly sanh, trong đây Thanh văn nhập chánh

tánh ly sanh và chư Bồ-tát nhập chánh tánh ly sanh đều bình đẳng như thật thông đạt pháp giới, nên biết hai chủng đây có sự sai biệt gì?

Đáp: Nếu nói lược thì pháp giới có hai chủng tướng: 1. Tướng sai biệt; 2. Tự tướng.

Tướng sai biệt: là tướng thường trụ và tướng tịch tĩnh. Tướng thường trụ là pháp tánh bản lai vô sanh và pháp tánh vô tận. Tướng tịch tĩnh là pháp tánh lia hệ buộc của phiền não khổ.

Tự tướng: ở trong tướng, danh, phân biệt, chân như và chánh trí nhiếp thuộc tất cả pháp, do tự tánh biến kế sở chấp, nên tự tánh không thành thật, pháp tánh vô ngã. Trong đây, Thanh văn do tướng sai biệt năng thông đạt pháp giới mà nhập chánh tánh ly sanh, không do tự tướng. Vì dụng kia thông đạt, do tướng không độn chìm và tướng an ổn mà ở trong pháp giới đặc tướng tịch tĩnh, ở trong các hành một hướng phát khởi tướng nhằm chán. Ở nơi các tướng kia nhiếp thuộc các pháp tánh không thành thật, pháp tánh vô ngã, mà không như thật biết. Chỉ ở trong pháp giới định đây, do tác ý duyên pháp giới sai biệt, tâm vô tướng chuyển, không do tác ý duyên tự tướng pháp

giới. Hoặc lại nhân người tuyên thuyết tự tướng pháp giới, đã nghe rồi một phần Thanh văn hồi hướng Bồ-đề, rất nhiều khó khăn nhưng sau cũng ngộ nhập, đã được nhập rồi tinh cần tu tập. Một phần Thanh văn một hướng hướng đến tịch tĩnh, rất nhiều khó khăn, ít năng ngộ nhập, đã không nhập rồi tinh cần tu tập.

Nếu chư Bồ-tát đều do thông đạt hai tướng pháp giới mà nhập Bồ-tát chánh tánh ly sanh. Đã nhập ly sanh rồi, phần nhiều an trụ tác ý duyên tự tướng pháp giới. Vì cố sao? Nếu lúc ở nơi pháp giới tác ý duyên tướng sai biệt, tác ý duyên nhiều ắt nhanh chóng hướng đến Niết-bàn. Cho nên nhiều an trụ ở kia, đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề không phải phương tiện chân chánh. Do nhân duyên đây, nên biết tuy bình đẳng thông đạt pháp giới, nhưng Thanh văn nhập chánh tánh ly sanh và Bồ-tát nhập chánh tánh ly sanh có sự sai biệt.

Hỏi: Như đã thuyết về ba luân của ba đời thanh tịnh, sao gọi là ba luân của ba đời thanh tịnh?

Đáp: Do tự tánh biến kế sở chấp, lúc ở nơi các pháp quá khứ vị lai hiện tại, dùng tuệ như thật

chánh quán sát đều bình đẳng bình đẳng. Ở trong các pháp quá khứ vị lai hiện tại, không luyến tiếc, hy vọng, nhiễm đắm. Đây gọi là ba luân của ba đời thanh tịnh.

Hỏi: Như trước đã thuyết có một trăm bốn mươi pháp Phật bất cộng. Kinh khác lại thuyết có mười tám pháp Phật bất cộng. Như vậy pháp Phật an lập thế nào? Nhiếp vào bao nhiêu chủng?

Đáp: Đó là Bí-sô A-la-hán vĩnh viễn tận các lậu, nhân vào tụ lạc du hành khát thực, hoặc có lúc cùng đi đường với voi dữ, ngựa dữ, trâu dữ và chó dữ...; hoặc dẫm đạp rừng rậm, hoặc lội ngang qua khe suối, hoặc nhảy qua hầm hố; hoặc đi vào nhà phi pháp, bị các thiếu nữ chẳng như lý dụ dỗ; hoặc ở chốn không nhàn, xả bỏ đường chính, đi theo đường mòn xấu ác; hoặc dạo chơi cùng giặc cướp, sư tử, hổ beo, chó sói... Hết thấy loại như vậy là chỗ có lầm phạm của các A-la-hán. Đối với những điều như vậy, Như Lai hẳn không có.

Lại các A-la-hán có lúc dạo chơi chốn không nhàn, trong rừng già bị mê mẩn quên mất đường về; hoặc vào nhà trống dùng tiếng lớn hô to; hoặc quay lại nhân tập khí dư tàn, như tâm không nhiễm

ô mà hở môi lộ răng cười. Hết thấy loại như vậy là chỗ thô tháo của các A-la-hán. Đối với những điều như vậy, Như Lai hẳn không có.

Lại các A-la-hán có lúc do vong niệm nên ở nơi việc làm mà bị quên mất, tán tâm. Đối với những điều đây, Như Lai hẳn không có.

Lại các A-la-hán ở trong Hữu dư y sanh tử giới, một hướng phát khởi tướng nhằm chán; ở trong Vô dư y Niết-bàn giới, một hướng phát khởi tướng tịch tịnh. Như Lai đối với sanh tử, Niết-bàn, tướng không sai biệt, an trụ xả bình đẳng bậc nhất.

Lại các A-la-hán năng nhập đẳng chí tức gọi là định, nếu xuất đẳng chí tức không được gọi là định. Như Lai trong khắp tất cả vị, tâm không đâu không định.

Lại các A-la-hán lúc tư trạch bất thiện, liền xả bỏ việc lợi ích chúng sanh... hết thấy loại như vậy. Như Lai ở nơi tư trạch bất thiện mà xả bỏ việc lợi ích chúng sanh, thì không có lẽ ấy.

Lại các A-la-hán nương tịnh sở tri chương mà chưa được không thối thất ở nơi dục tinh tấn, niệm, định, tuệ và giải thoát, giải thoát tri kiến. Đối với

bảy chủng pháp thối thất như vậy, Như Lai hẳn không có.

Lại các A-la-hán hoặc có lúc thân nghiệp thiện chuyển, hoặc có lúc nghiệp vô ký chuyển. Như thân nghiệp, thì ngữ nghiệp và ý nghiệp cũng vậy. Ba nghiệp của Như Lai vì trí làm hành dẫn đầu, vì trí tùy chuyển, nên không có nghiệp vô ký. Vì trí phát khởi, gọi là trí làm hành dẫn đầu. Vì trí câu hành, gọi là trí tùy chuyển.

Lại các A-la-hán ở trong khắp sự sở tri ba đời không thể tác ý bỗng nhiên thông hiểu, cho nên trí kiến gọi là còn có bám chấp; không thể chân chánh thông hiểu tất cả mọi việc, nên trí kiến gọi là còn có ngăn ngại. Như Lai đối khắp cảnh giới ba đời, vừa tác ý liền năng thông hiểu tường tận tất cả cảnh sự sở tri sai biệt.

Cho nên nói mười tám chủng đây gọi là pháp Phật bất cộng. Trong đây bốn chủng đầu nhiếp vào pháp vô vong thất và bạt trừ tập khí, một chủng kế nhiếp vào Đại bi, tất cả chủng còn lại nhiếp vào tất cả chủng diệu trí.

Lại nữa, ở trong kinh khác Thế Tôn đã thuyết về tùy hảo, vì muốn giáo hóa khiến người sanh

tịnh tín, vì hiển bày dẫn dạy kia, nhưng không lập tướng. An lập các tướng đây như trong phẩm *Kiến lập* đã rộng hiển thị. Nên biết từ tùy hảo đây phân ra thành các tướng tùy hảo kia.

Lại nữa, sở hữu dạy trao trong tạng Bồ-tát lược gồm: **1.** Tà hạnh của Bồ-tát, phải nên rõ biết; **2.** Chánh hạnh của Bồ-tát, phải nên rõ biết; **3.** Thù thắng lợi ích trong việc tu tập chánh hạnh của Bồ-tát, phải nên rõ biết; **4.** Ở trong chánh hạnh của Bồ-tát, an lập pháp hạnh, bình đẳng hạnh, thiện hạnh, pháp trụ và hành tướng, phải nên rõ biết; **5.** Sở hữu thí dụ của Bồ-tát năng sanh tịnh tín, phải nên rõ biết; **6.** Ở trong chánh hạnh an lập sở học của Bồ-tát, phải nên rõ biết; **7.** Sở học của Bồ-tát thù thắng sai biệt hơn so với sở học Thanh văn, phải nên rõ biết; **8.** Ở trong sở học nên học của Bồ-tát, Bồ-tát khéo học sở hữu trí thế gian, xuất thế gian năng làm việc lợi ích người, phải nên rõ biết; **9.** Sở học Thanh văn ở trong dạy trao Bồ-tát, phải nên rõ biết; **10.** Sa-môn không khéo học, phải nên rõ biết; **11.** Sa-môn khéo học, phải nên rõ biết; **12.** Trụ thế tục luật nghi, phải nên rõ biết; **13.** Trụ thắng giải luật nghi, phải nên

rõ biết; **14.** Phương tiện điều phục của chư Như Lai, phải nên rõ biết; **15.** Ngôn ngữ mật ý, phải nên rõ biết; **16.** Ở trong tạng dạy trao Bồ-tát, lợi ích thù thắng của thắng giải, phải nên rõ biết. Như vậy đã lược nêu sở hữu dạy trao trong tạng Bồ-tát.

1. Tà hạnh của Bồ-tát: Nên biết nếu nói lược thì do một tà hạnh ban đầu khiến dẫn phát 8 chủng tướng theo sau: **a.** Tà hạnh năng thối tư lương trí; **b.** Vì thối tư lương trí, dẫn đến tà hạnh năng khiến quên mất chánh niệm; **c.** Vì vọng niệm phát khởi, dẫn đến tà hạnh năng hoại pháp trắng sạch; **d.** Vì hoại pháp trắng sạch, dẫn đến tà hạnh năng khiến hiện hành ác ý, nghi hoặc, chẳng phải Bồ-tát; **e.** Vì ý ác hiện hành, dẫn đến tà hạnh năng khó thể điều phục; **f.** Vì khó thể điều phục, dẫn đến tà hạnh năng hành ở nơi đạo bất chánh; **g.** Vì hành nơi đạo bất chánh, dẫn đến tà hạnh năng khiến gần gũi kẻ không hiền lương; **h.** Vì gần gũi kẻ không hiền lương, dẫn đến tà hạnh năng khiến không như nghĩa Bồ-tát mà hành.

a. Tà hạnh năng thối tư lương trí: Bồ-đề lầy

tuệ làm thể, tuệ năng khiến dẫn phát tất cả Ba-la-mật-đa còn lại. Cho nên nếu ở nơi tuệ mà phát khởi tà hạnh, nên biết Bồ-tát ở nơi các Bồ-đề và các dạng pháp năng dẫn phát Bồ-đề đều khởi tà hạnh.

Lược có 4 chủng pháp khiến Bồ-tát thối thất tư lương trí. Những gì là bốn? 1. Tự mình không lắng nghe; 2. Không khiến người nghe; 3. Bị chướng ngại lắng nghe; 4. Điên đảo chấp trước mà có sự lắng nghe.

Nếu chư Bồ-tát nương bốn chủng pháp đây năng khiến thối thất tư lương trí. Vì cố sao? Bốn chủng pháp đây ở trong hiện pháp, hoặc thời sau ở hậu pháp lại sanh bốn 4 pháp trái với trí tuệ. Những gì là bốn? 1. Không có năng lực rõ biết; 2. Các duyên thiếu khuyết; 3. Năng khiến chiêu cảm ngu si không có phước; 4. Điên đảo.

Do tự mình không lắng nghe làm chỗ nương, nên trong hiện pháp không có năng lực liễu tri. Do không khiến người nghe làm chỗ nương, nên trong hậu pháp các duyên thiếu khuyết. Do bị chướng ngại lắng nghe làm chỗ nương, nên hậu pháp năng sanh chiêu cảm ngu si không có phước. Do điên

đảo chấp trước mà có sự lắng nghe làm chỗ nương, nên ở trong hậu pháp càng tăng thêm điên đảo.

Kẻ tự mình không lắng nghe, vì chán ghét pháp, trái lìa pháp; vì chán ghét bổ-đặc-già-la, trái lìa bổ-đặc-già-la; vì chán ghét pháp và bổ-đặc-già-la, trái lìa pháp và bổ-đặc-già-la.

Kẻ không khiến người nghe, vì sợ người được trí vượt hơn; vì có sự kiêu mạn, hủy báng; vì sợ người khinh miệt hủy báng.

Kẻ bị chướng ngại lắng nghe, vì phỉ báng chê bai pháp và bổ-đặc-già-la; vì bị dẫn dắt bởi tướng ác tác, gian dối; vì không thưa hỏi và tin nhận sự dạy bảo khai thị; vì phương tiện hủy mắng người thường lắng nghe.

Kẻ điên đảo chấp trước mà lắng nghe, vì tự mình thông đạt lãnh thọ thông hiểu lời thuyết ác mà chấp trước cho là thông đạt lãnh thọ thông hiểu lời thuyết thiện. Vì đối với người thông đạt lãnh thọ thông hiểu lời thuyết thiện mà lại chấp trước cho là thông đạt lãnh thọ thông hiểu lời thuyết ác.

Trong đây, hoặc tự mình không lắng nghe, hoặc không khiến người nghe, hoặc bị chướng ngại

lắng nghe, ba pháp như vậy phần nhiều năng khiến thối thất tư lương trí do văn mà thành tựu. Thiền đảo chấp trước mà lắng nghe, phần nhiều năng khiến thối thất tư lương trí do tư và tu mà thành tựu.

b. Tà hạnh năng khiến quên mất chánh niệm có 4 chủng. Những gì là bốn? Do tà hạnh đối với bốn chủng bổ-đặc-già-la nên có bốn điều ngu mê: 1. Đối với bổ-đặc-già-la cử tội; 2. Đối với bổ-đặc-già-la dạy dẫn; 3. Đối với bổ-đặc-già-la muốn làm lợi ích; 4. Đối với bổ-đặc-già-la có đức.

Tức là do tà hạnh đối với đồng phạm hạnh, nên bị ngu mê nơi lỗi của tự thân. Do tà hạnh đối với người đang học, nên bị ngu mê đối với học xứ. Do tà hạnh đối với người thắng giải, vui cầu Đại thừa, người vui hành chánh hạnh, vì nêu cử phân biệt các lỗi lầm mình, nên bị ngu mê nơi thắng giải, chánh hạnh. Do tà hạnh đối với bổ-đặc-già-la năng thuyết pháp, nên bị ngu mê nơi những điều ẩn mật được hiển rõ.

c. Tà hạnh năng khiến hoại pháp trắng sạch: có 4 chủng. Đó là vì lực tăng thượng ganh đua so sánh với người, nên phát khởi các gia hạnh pháp

bạch không đúng chỗ. Tuy phát khởi gia hạnh pháp bạch, nhưng rơi trong ba chủng lỗi lầm tà hạnh: 1. Lỗi lầm nhiễm trước; 2. Lỗi lầm ác kiến; 3. Lỗi lầm thọ trì.

Do hai nhân duyên nên biết lỗi lầm nhiễm trước: 1. Vì tà thọ dụng; 2. Vì nhiều điều xen tạp.

Do hai nhân duyên nên biết lỗi lầm ác kiến: 1. Vì phỉ báng chê bai chánh pháp và bỏ-đặc-già-la; 2. Vì đối với pháp bất chánh mà hiển bày chấp trước cho là chánh pháp.

Do hai nhân duyên nên biết lỗi lầm thọ trì: 1. Chỉ thọ trì nhỏ hẹp trong phạm vi kinh bất liễu nghĩa; 2. Ở nơi những điều chưa nghe, chưa từng lãnh hội trong các kinh liễu nghĩa, thì phỉ báng bác bỏ cho là hư huyền.

d. Tà hạnh năng khiến hiện hành nghi hoặc, ý ác, chẳng phải Bồ-tát: có 4 chủng. 1. Đối với đại sư, phát sanh không tín thuận, lẽ ra phải cung kính, mà trái lại hiện hành ý ác; 2. Đối với người đồng phạm hạnh, người nhiếp thọ, người cử tội, người dạy răn, lẽ ra phải như thật phát lộ lỗi đã phạm, mà trái lại hiện hành ý ác; 3. Đối với việc thực hành các thiện pháp được phước lớn trí lớn,

lẽ ra phải tinh tấn, mà trái lại hiện hành ý ác; 4. Ở trong thắng giải sâu thẳm rộng lớn, lẽ ra phải tự mình tu tập năng khiến thanh tịnh chướng, mà trái lại hiện hành ý ác.

Do 3 chủng tướng nên biết đối với đại sư sanh không tín thuận, đó là: do có sắc đẹp, có tôn quý, có trí huệ.

Do 3 chủng tướng nên biết không như thật phát lồ lỗi đã phạm: 1. Đối với các hữu tình nhiếp thọ, tà chấp hư vọng hiển thị cho là tôn quý hơn, nhân đây phát khởi tâm tự đề cao; 2. Đối với các hữu tình năng cử tội, che giấu lỗi mình đã phạm; 3. Đối với các hữu tình năng dạy răn, nhân việc bị kia quả trách đuổi bỏ; phát khởi tâm xấu ác muốn làm tổn não.

Do hai chủng tướng nên biết thời thất việc phát khởi tinh tấn thực hành thiện pháp: 1. Đối với các hữu tình có phước lớn, trí lớn, thời đắm trước lợi dưỡng cung kính; 2. Cùng vui thích việc kia.

e. Tà hạnh năng khiến khó thể điều phục có 4 chủng, đó là lúc đang tu tập có 4 chủng chướng ngại: 1. Ở nơi điều đã lắng nghe, chấp cho là rất

ráo; 2. Ở nơi điều đã được dạy trao, lãnh thọ thông hiểu lầm lạc; 3. Ở nơi giới luật, không chân chánh an trụ, gây tạo việc làm ác; 4. Ở nơi điều đã tự thấy biết, chấp chặt kiến thủ.

Tức là do lúc lắng nghe mà tâm không tịch tĩnh, nên ở nơi những điều được nghe chấp cho là rất ráo. Do ở nơi điều được dạy trao, phân biệt điên đảo nên có hiểu biết lầm lạc. Do ở nơi giới luật, nhiều sự hủy phạm thọ dùng của tín thí, nên sanh khởi việc làm ác. Do đối với các hữu tình thắng vượt hơn, dấy khởi ganh đua đấu tranh, nên ở nơi điều mình đã thấy biết chấp chặt kiến thủ. Hữu tình thắng vượt hơn tức là căn vượt hơn trong việc điều phục và đoạn diệt.

f. Tà hạnh năng khiến hành đạo bất chánh đối với hữu tình có 4 chủng: 1. Đối với hữu tình chưa an lập tịnh tín, không vì họ thuyết; 2. Đối với hữu tình hạ thừa có mong cầu Đại thừa, lại không tùy theo căn tánh thích hợp mà thuyết; 3. Đối với hữu tình ở Đại thừa mong cầu hạ thừa, lại không thuận theo chỗ nghi hoặc của họ mà khai tỏ; 4. Đối với người an trụ cấm giới hoặc không trụ cấm giới, vì tham ái bản đảng mà không bình đẳng thuyết.

Do 3 chủng tướng nên biết gọi là an trụ cấm giới: 1. Vì việc làm không lầm lạc; 2. Vì không khuyết phạm giới; 3. Vì quý trọng sở học.

Do 2 chủng tướng nên biết không trụ cấm giới: 1. Vì khuyết phạm giới; 2. Vì không quý trọng sở học.

g. *Tà hạnh năng khiến gần gũi người không hiền lương* nên biết do đây thối mất 4 việc: 1. Thối mất đối với thừa; 2. Thối mất gia hạnh lợi ích hữu tình; 3. Thối mất thánh giáo; 4. Thối mất tu tập các thiện pháp không gián đoạn.

h. *Tà hạnh năng khiến không như nghĩa Bồ-tát mà hành có 4 chủng:* 1. Vì nhậm trì chánh pháp; 2. Vì trụ nơi a-lan-nhã; 3. Vì siêng tu nghiệp phước; 4. Vì lãnh đạo đại chúng.

Hoặc các Bồ-tát vì muốn khiến người tín phục, tuy nhậm trì chánh pháp mà không như nghĩa, không đúng nghĩa ấy.

Hoặc các Bồ-tát vì cầu danh tiếng, tuy trụ nơi a-lan-nhã mà không như nghĩa, không đúng nghĩa ấy.

Hoặc các Bồ-tát tâm chuyên buộc đấm ở nơi quả có nhiễm, tuy siêng tu nghiệp phước mà không

như nghĩa, không đúng nghĩa ấy.

Hoặc chư Bồ-tát tâm chuyên buộc đấm ở nơi sự cung kính, tiếng tăm, thừa sự, tuy lãnh đạo đại chúng mà không như nghĩa, không đúng nghĩa ấy.

2. Chánh hạnh của Bồ-tát: Tức là trái với các tướng trên, xa lìa lỗi lầm, tuyên nói đối trị, nên biết dẫn phát 8 chủng hành tướng chánh hạnh theo sau. Đây gọi là chánh hạnh.

Lại nói tự mình không lắng nghe khiến thối thất trí, đây nhân duyên gì? Do chỗ hiển không cung kính chánh pháp và bỏ-đặc-già-la, do đây hủy phạm. Giả sử không hủy phạm, cũng không tin hiểu sâu nên thối thất.

Lại nói không khiến người nghe khiến thối thất trí, đây nhân duyên gì? Do chỗ hiển vì muốn người tin phục, do đây hủy phạm. Giả sử không hủy phạm, mà hướng đến tà pháp nên thối thất.

Lại nói bị chướng ngại lắng nghe khiến thối thất trí, đây nhân duyên gì? Do chỗ hiển không vui muốn, không lắng nghe, không thọ trì, do đây hủy phạm. Giả sử không hủy phạm, lại giải đãi lười biếng nên thối thất.

Lại nói tà chấp trước mà có sự lắng nghe khiến thối thất trí, đây nhân duyên gì? Do chỗ hiển ở nơi việc tu tập thực hành không thấy công đức, chỉ nghe ngôn thuyết mà cho là rốt ráo, do đây hủy phạm. Giả sử không hủy phạm, mà trí không chân thật nên thối thất.

Lại nói khi người cử tội, có ngu mê nơi lỗi phạm của mình nên quên mất chánh niệm, đây nhân duyên gì? Do chỗ hiển nếu có hủy phạm ở nơi tội nặng, thì sợ hãi suy tổn; nếu có hủy phạm ở nơi tội nhẹ, thì sợ hãi quở trách mà nói vọng ngữ, do đây hủy phạm. Chỗ có quên mất chánh niệm đây tức do chướng ngại của nghiệp gây ra. Giả sử không hủy phạm, nhưng do chướng của sự hủy phạm mà bị quên mất.

Lại nói có ngu mê đối với học xứ nên quên mất chánh niệm, đây nhân duyên gì? Do chỗ hiển không phải do tự tánh mà do chuyển theo hư vọng, thấy quanh co, do đây hủy phạm. Chỗ có quên mất chánh niệm đây tức do chướng ngại của nghiệp gây ra. Giả sử không hủy phạm, nhưng do chướng của sự hủy phạm mà bị quên mất.

Lại nói có ngu mê ở nơi thắng giải, chánh

hạnh đối với Đại thừa nên quên mất chánh niệm, đây nhân duyên gì? Do chỗ hiển đối với Bồ-tát không sanh cung kính, che giấu thật đức, do đây hủy phạm. Chỗ có quên mất chánh niệm đây tức do chướng ngại của nghiệp gây ra. Giả sử không hủy phạm, nhưng do chướng của sự hủy phạm mà bị quên mất.

Lại nói có ngu mê ở nơi hiển rõ những điều ẩn mật nên quên mất chánh niệm, đây nhân duyên gì? Đây hiển do *dục* khiến không sanh vui muốn đối với Đại thừa, do đây hủy phạm. Chỗ có quên mất chánh niệm đây tức do chướng ngại của nghiệp gây ra. Giả sử không hủy phạm, nhưng do chướng của sự hủy phạm mà bị quên mất.

Lại nói do gia hạnh không đúng chỗ khiến hoại pháp trắng sạch, đây nhân duyên gì? Do chỗ hiển ý vui thấp kém, không chuyển xả hạ thừa, lắng nghe mà tâm không khiêm hạ, do đây hủy phạm. Do không thể đắc các pháp bạch trước chưa đắc, ở nơi điều lắng nghe, điều lãnh thọ mà thông hiểu chậm chạp, nên thối thất những gì đã đắc.

Lại nói do lỗi lầm nhiễm trước khiến hoại pháp trắng sạch, đây nhân duyên gì? Do chỗ hiển

không sanh vui đủ đối với chỗ lợi dưỡng người tại gia cấp thí, lại giả dối mong cầu. Do ở nơi pháp chưa từng nghe thì không lắng nghe, nhiều các sự nghiệp, khinh tháo tán loạn, ở nơi tam-ma-địa không thể chứng đắc.

Lại nói do lỗi lầm ác kiến khiến hoại pháp trắng sạch, đây nhân duyên gì? Do chỗ hiển ôm lòng ác ý quán sát người; ở nơi sở học của Thanh văn Đại thừa, tâm điên đảo, do đây hủy phạm. Do không hành chánh hạnh nên gặt hái suy tổn. Do dối hoặc người nên gặt hái suy tổn.

Lại nói do lỗi lầm thọ trì khiến hoại pháp trắng sạch, đây nhân duyên gì? Do chỗ hiển đối với ý thú của chư Như Lai, sanh khởi mạn cho là hiểu biết tất cả, do đây hủy phạm. Do hủy báng chánh pháp nên gặt hái suy tổn. Do tà so lường ở nơi ý thú, trí của chư Như Lai, nên gặt hái suy tổn.

Lại nói do không kham cung kính sở học khiến hiện hành ý ác, đây nhân duyên gì? Do chỗ hiển ở nơi lỗi đã phạm mà không phát lộ, không trình bày sám hối, không trừ bỏ việc làm ác, do đây ý ác hiện hành. Tức ở nơi sở duyên mà tán loạn, nên hành không sáng suốt.

Lại nói do không như thật hiển lỗi mình phạm khiến hiện hành ý ác, đây nhân duyên gì? Do chỗ hiển ở nơi thân mạng tài của có sự luyến tiếc, vui nói chuyện không thật, do đây ý ác hiện hành. Tức ở nơi thánh giáo, vì bị tán loạn nên hành không sáng suốt.

Lại nói do tinh tấn khiến hiện hành ý ác, đây nhân duyên gì? Do chỗ hiển không kham nhẫn, do đây ý ác hiện hành. Tức không thể nhẫn chịu ở nơi các khổ, bị tán loạn ở nơi các thiện pháp, nên hành không sáng suốt.

Lại nói do thanh tịnh chướng khiến hiện hành ý ác, đây nhân duyên gì? Do chỗ hiển đối với Đại thừa không có tin hiểu sâu, không có ý vui tăng thượng, do đây ý ác hiện hành. Tức bị tán loạn ở nơi thừa rộng lớn, nên hành không sáng suốt.

Lại nói do lầy lẳng nghe cho là rốt ráo, khó thể điều phục, đây nhân duyên gì? Do chỗ hiển quán thấy chỉ cần thoát khỏi nạn vấn của người và chỉ thấy lợi ích thù thắng của việc lầy lẳng nghe, do đây nên hủy phạm, giả dối hiển việc trì pháp thiện lành.

Lại nói do hiểu biết lầm lạc nơi điều được dạy

trao nên chướng ngại việc tu tập, khó thể điều phục, đây nhân duyên gì? Do chỗ hiển không thể kham thọ lời dạy, kiên cố giữ lấy điều đã phạm, không cung kính lời dạy răn, do đây hủy phạm, giả dối hiển việc trụ a-lan-nhã thiện lành.

Lại nói do ở nơi giới không kiên cố an trụ, gây tạo việc làm ác nên chướng ngại việc tu tập, khó thể điều phục, đây nhân duyên gì? Do chỗ hiển ở nơi sở học không kham, hư dối thọ nhận vật thực của tín thí, do đây hủy phạm, giả dối hiển việc siêng tu nghiệp phước thiện lành.

Lại nói do mình thấy biết, chấp chặt kiến thủ nên chướng ngại việc tu tập, khó thể điều phục, đây nhân duyên gì? Do chỗ hiển ở nơi Ba-la-mật-đa thanh tịnh, đối với Bồ-tát không sanh cung kính, không muốn đến gặp gỡ thưa hỏi, không muốn thân cận, không muốn lắng nghe, không tùy hành pháp, do đây hủy phạm, giả dối hiển việc lãnh đạo chúng thiện lành.

Lại nói do không tuyên thuyết, không theo đó tuyên thuyết, không thuận nghĩa thuyết, không bình đẳng thuyết, hành nơi đạo bất chánh, đây nhân duyên gì? Do chỗ hiển trước sau tuyên thuyết

một cách nhàm chán, tâm không bình đẳng; đối với người nghe thuyết, không khéo biết phương tiện, hiểu biết hạ thừa; ở nơi gia hạnh dạy răn đồ chúng có tâm nhiễm ô, do đây hủy phạm. Tức vì thiện căn không viên mãn, vì không nhiếp thọ thiện căn rộng lớn, vì xả bỏ thiện căn rộng lớn và vì sanh phi phước, nên đối trá hoặc loạn giáo hóa các loại hữu tình.

Lại nói do bốn chủng gần gũi người không hiền lương nên thối thất bốn việc, đây nhân duyên gì? Do chỗ hiển keo lẩn, không khéo nhập vào ngữ ngôn Thánh giáo, không lắng nghe, do đây hủy phạm. Vì không tu thiện căn, vì hãi sợ khổ sanh tử, vì ở nơi việc lợi tha không thể làm lợi ích, vì thiện căn nhỏ hẹp, vì ở trong pháp sanh nghi hoặc, nên bị thối thất.

Lại nói do bốn chủng Bồ-tát không như nghĩa Bồ-tát mà hành, vì mong cầu sự tín phục, mong cầu tiếng tăm, mong cầu quả có nhiễm, mong cầu cúng dường thừa sự tiếng khen, đây nhân duyên gì? Do chỗ hiển ngã ái đồng hành với tội vi tế; ở nơi tội vi tế không thấy sợ hãi; không có thắng giải đồng hành với vô ngã, nên không nghĩ tưởng đến việc

lợi người; ở nơi sanh tử, Niết-bàn không quán thấy một hướng lỗi lầm, công đức; ở trong hiện pháp vui trụ tướng tạp; ở đời đương lai vui thích nhiếp thọ pháp giàu sang tiền của, do đây hủy phạm. Giả dối hiện tự thân năng chân chánh trì pháp cho đến lãnh đạo đại chúng...

3. Lợi ích thù thắng trong việc tu tập chánh hạnh của chư Bồ-tát: Đây cũng có 4 chủng, về sau sẽ nói.

Bồ-tát vì hành chánh hạnh như vậy, nên năng tích tập tư lương phước đức trí tuệ. Vì lấy đây làm chỗ nương, nên năng thanh tịnh chướng. Vì lấy đây làm chỗ nương, nên huân tập tất cả môn, tích tập thành tựu pháp bạch. Vì lấy đây làm chỗ nương, nên phát khởi tất cả chủng gia hạnh lợi ích hữu tình. Lại năng sanh trưởng vô lượng phước.

Có 4 nhân duyên năng khiến tích tập tư lương phước đức trí tuệ: 1. Nương chánh hạnh đây cúng dường thừa sự chư Phật Như Lai; 2. Văn thanh tịnh; 3. Tư thanh tịnh; 4. Tu thanh tịnh.

Có 4 nhân duyên năng khiến thanh tịnh chướng: 1. Đối với thừa, tin chắc không bị khuynh

động; 2. Đối với các hữu tình, xa lìa nhân duyên không hành hạnh lợi tha; 3. Xa lìa nhân duyên tà hạnh; 4. Xa lìa nhân duyên không thành tựu viên mãn chánh hạnh.

Có 4 nhân duyên năng khiến huân tập tất cả môn, tích tập thành tựu pháp bạch: 1. Tu thành tựu do tu; 2. Thành thực hữu tình, tức thành tựu việc kia; 3. Kham nhẫn việc khó, tức thành tựu việc kia; 4. Đã nghe liền tư duy không nhầm mỗi, tức thành tựu kia.

Có 4 pháp năng phát khởi tất cả chủng gia hạnh lợi ích hữu tình, tức là cứu giúp hữu tình thoát khỏi bốn điều: 1. Vì ở nơi do dự nghi hoặc; 2. Vì điên đảo đọa nơi đường uế ác; 3. Tin hiểu ở nơi hạ thừa; 4. Vì đối với Thánh giáo có tâm chán ghét, trái lìa

4. Bồ-tát trụ trong chánh hạnh, đó là đầy đủ ở trong pháp hạnh, bình đẳng hạnh, thiện hạnh, pháp trụ và hành tướng. Khi hiện tại chuyển, được công đức thù thắng lợi ích:

Sao gọi là Bồ-tát đầy đủ ở trong pháp hạnh, đây có hành tướng gì? Chư Bồ-tát phàm có tu hành

không trái với chánh pháp, nên gọi là đầy đủ pháp hạnh. Trong đây có 5 hành tướng: 1. Đối với chúng sanh vui hành ác hạnh, làm điều không nhiều ích, vì muốn khiến kia thú nhập thiện nên ai miễn nhiếp thọ; 2. Đối với các hữu tình trụ chung tánh mà thiếu ngoại duyên, liền khích lệ dẫn dắt khiến phát khởi tâm Bồ-đề; 3. Ở trong Ba-la-mật-đa thù thắng, tự mình rõ biết; 4. Đối với những nơi tôn trọng, phát khởi gia hạnh cung kính lễ bái; 5. Đối với các hữu tình là ngoại đạo hay oán địch, an trụ kiên cố nơi thánh giáo, không bị lay động.

Sao gọi là Bồ-tát đầy đủ bình đẳng hạnh, đây có hành tướng gì? Chư Bồ-tát khắp tất cả việc lợi ích chúng sanh, tu hạnh bình đẳng, cho nên gọi là đầy đủ hạnh bình đẳng. Nên biết hạnh đây có 8 tướng: 1. Vì đối với các hữu tình, bình đẳng thương quý; 2. Vì đối với các hữu tình, dụng thân không nhiễm ô, không phân biệt, không phân biệt đời, không phân biệt sự mong cầu, dụng tâm thân ái bình đẳng an ủi vỗ về; 3. Vì xả sự xao động, dụng mao thư thái vui vẻ; đối với vật đã thọ nhận, năng bình đẳng phân phát; 4. Vì đối với những vật chưa được thọ nhận, năng bình đẳng nhận lấy; 5. Vì ở

nơi tất cả khổ, bình đẳng kham nhẫn; 6. Vì đối với vô lượng phương tiện điều phục, năng bình đẳng cầu học; 7. Vì ở nơi sự cãi vã qua lại, năng bình đẳng dùng lời hợp lẽ, dùng lời khiêm hạ; 8. Vì ở nơi tất cả thiện căn đã có, bình đẳng hồi hướng Đại Bồ-đề.

Sao gọi là Bồ-tát đầy đủ thiện hạnh, đây có hành tướng gì? Chư Bồ-tát vì bên trong tự thành thực các pháp Phật, vì bên ngoài thành thực các hữu tình mà tu hành thiện hạnh, cho nên gọi là đầy đủ thiện hạnh. Nên biết hạnh đây có 7 hành tướng: 1. Vì huệ thí mà không ý dựa; 2. Vì trì giới mà không ý dựa; 3. Vì tâm ai mãn mà tu an nhẫn; 4. Vì không dụng chút phần mà tu tinh tấn; 5. Vì làm lợi ích hữu tình mà tu tinh lự; 6. Vì kiến không cùng tương ưng mà tu diệu tuệ; 7. Vì thành thực phương tiện thiện xảo.

Sao gọi là Bồ-tát đầy đủ nơi pháp trụ, đây có hành tướng gì? Bồ-tát không phải chỉ tìm hiểu mà cho là rốt ráo, không phải chỉ đọc tụng mà cho là rốt ráo, không phải chỉ tuyên thuyết mà cho là rốt ráo, không phải chỉ tư duy quán xét mà cho là rốt ráo. Cần phải ở nơi nội tâm chân chánh

tu tập Xa-ma-tha thù thắng, phát siêng tu tập phương tiện bình đẳng, mới được gọi là đầy đủ nơi pháp trụ.

Nên biết an trụ đây có 12 hành tướng: 1. Vì đối với người trụ cấm giới hay không trụ cấm giới, năng dạy trao không phân biệt; 2. Vì lấy đây làm chỗ nương, cung kính lãnh thọ điều được dạy trao; 3. Vì lấy đây làm chỗ nương, thân xa lìa; 4. Vì lấy đây làm chỗ nương, tâm xa lìa; 5. Vì lấy đây làm chỗ nương, vượt qua tác ý tương ưng Thanh văn thừa, tác ý tư duy tương ưng Đại thừa; 6. Vì lấy đây làm chỗ nương, không xả bỏ ách viễn ly, cùng các hữu tình và các loài khác cùng cộng trú; 7. Vì lấy đây làm chỗ nương, lãnh thọ trí thế gian thanh tịnh, tư lương đại phước và uy đức của quả tu; 8. Vì không biết vui đủ ở nơi trí thế gian, tầm cầu tu trị trí xuất thế.

Lại thanh tịnh trí, tức là đoạn trừ 4 chủng lỗi lầm lãnh đạo đại chúng rộng lớn: 1. Vì lỗi lầm do không thể kham nhẫn sự xúc não; 2. Vì lỗi lầm do không quyết định dạy trao; 3. Vì lỗi lầm do không như điều đã nói mà thực hành; 4. Vì lỗi lầm do có tâm ái nhiễm. Bốn chủng như vậy cùng tám chủng

trước cộng lại là mười hai hành tướng.

5. Sở hữu thí dụ của Bồ-tát năng sanh tịnh tín: Chư Bồ-tát từ lúc sơ phát tâm, vào đầu, giữa, sau đều lấy dẫn phát thiện căn các chúng sanh làm chỗ nương. Đối với khắp tất cả kẻ oán người ân, tâm như đại địa, không buộc gút đăm trước. Nhưng chư Bồ-tát không hẳn như đại địa, mà mặc tình ung dung chuyển. Chúng sanh tuy nương nhờ đất kia, nhưng phải ra công lực vất vả mới được sống còn.

Chư Bồ-tát sanh trưởng thiện căn tịnh tín hoan hỷ, giống như đại thủy năng khiến tự thấm nhuần tươi tốt. Nhưng chư Bồ-tát không như đại thủy gây trở ngại đối với vụ mùa đến lúc thu hoạch.

Chư Bồ-tát vì muốn thành thực thiện căn, nên ở nơi pháp đáng nhàm chán sanh sâu nhàm chán họa hoạn, giống như đại hỏa năng mạnh mẽ đốt cháy chúng. Nhưng chư Bồ-tát không như đại hỏa, gây trở ngại cho sự thành tựu cõi nước chư Phật.

Chư Bồ-tát tự thành thực thiện căn rồi, tu tập dẫn phát tiến đến giải thoát, năng phát khởi chánh

dạy trao giống như đại phong. Nhưng chư Bồ-tát không như đại phong năng dẫn phát rồi trợn quay về tận diệt.

Chư Bồ-tát tự khiến bạch pháp của mình triển chuyển tăng trưởng giống như trăng sáng. Nhưng chư Bồ-tát không như trăng sáng chỉ làm sáng những phần có ánh sáng soi chiếu, phần không được soi đến thì chẳng vậy.

Chư Bồ-tát bình đẳng nơi tất cả tướng, trí phổ chiếu khắp tất cả pháp gồm cả sáng tối, giống như mặt trời. Nhưng chư Bồ-tát chẳng như mặt trời, sợ mạng lưới giữ lại nên liền xoay chuyển.

Chư Bồ-tát ở trong tất cả cõi trợn không hãi sợ phiền não bám nương mà bị xoay chuyển, thí như sư tử. Nhưng chư Bồ-tát không như sư tử khiếp sợ đối với sự gánh vác trọng trách.

Chư Bồ-tát năng gánh vác tất cả khổ lớn, như long tượng uyển chuyển múa. Nhưng chư Bồ-tát không như long tượng, hoặc lúc mạnh mẽ, lúc suy yếu, hoặc lúc uyển chuyển, không uyển chuyển; hoặc lúc vui, lúc khổ... đều bị ghét thương làm cấu nhiễm.

Chư Bồ-tát ở nơi các pháp thế gian không bị

ghét thương làm cầu nhiễm, giống như hoa sen hồng. Nhưng chư Bồ-tát không như hoa sen hồng, nếu bị chặt gốc thì không sanh trưởng được.

Chư Bồ-tát được lực gìn giữ của thiện căn, hàng phục phiền não, trong sanh tử thiện căn lại sanh trưởng, giống như cây đại thụ gốc chưa bị tổn hoại. Nhưng chư Bồ-tát không như cây đại thụ thì sau quyết định sẽ bị tổn hoại.

Chư Bồ-tát sở hữu thiện căn, vì hồi hướng Đại Bồ-đề Niết-bàn, giống như các dòng chảy nhập vào biển lớn. Nhưng chư Bồ-tát không như các dòng chảy nhập vào biển lớn, tức hòa thành tánh biển.

Chư Bồ-tát nương Niết-bàn và Đại Bồ-đề, dụng các lực thiện căn mà dạo chơi khắp cõi, giống như các chư thiên nương núi Tu-di mà trụ. Nhưng chư Bồ-tát không như các chư thiên kia nương trú ở núi Tu-di mà thọ hưởng các khoái lạc, hành phóng dật.

Chư Bồ-tát vì được sự nhiếp trì của phương tiện Bát-nhã, nên thành tựu hoàn mãn tất cả việc làm của chư Phật, giống như quần thần phụ tá đại vương. Nhưng chư Bồ-tát chẳng như quần thần phụ

tá đại vương vì lợi ích của mình mà thủ hộ dân trong nước.

Chư Bồ-tát không đoái nghĩ đến việc tự lợi, nhiếp hộ chúng sanh giống như mây lớn. Nhưng chư Bồ-tát không như mây lớn khiến vụ mùa không thể tốt ráo trọn xong.

Chư Bồ-tát tốt ráo sanh trưởng pháp Bồ-đề phần, giống như vua Chuyển luân xuất hiện nơi đời. Nhưng chư Bồ-tát không như vua Chuyển luân không có chúng đại trượng phu thứ hai.

Chư Bồ-tát giải thoát bình đẳng, thiện căn sanh trưởng đồng xuất hiện nhiều như ma-ni báu. Nhưng chư Bồ-tát không như báu ma-ni, không giống như ngọc châu ca-ly-sa-bát-nô.

Chư Bồ-tát vì nhập vô lậu giới, sở tác bình đẳng thọ tất cả lạc... giống như chư thiên nhập vào rừng sâu. Nhưng chư Bồ-tát không như chư thiên đã vào rừng sâu, tăng trưởng phiền não, nên đương lai diên đảo đọa trở lại.

Chư Bồ-tát hàng phục các phiền não, không diên đảo đọa trở lại sở hữu các phiền não, giống như dùng chú thuật hàng phục các độc. Nhưng chư Bồ-tát hàng phục sở hữu phiền não không như chú

thuật hàng phục các độc, chỉ khiến không bị hại chứ không có đức tánh khác.

Chư Bồ-tát tự phiền não của bản thân năng làm lợi ích tất cả chúng sanh. Phiền não đây giống như trong thành lớn có các đồng phần uest dơ bẩn.

Như vậy, sở hữu công đức của chư Bồ-tát có các sự việc thô tương tự ở ngoài thế gian có thể hiểu được, nên lấy làm thí dụ. Nhưng công đức đây vì quá thù thắng, không thí dụ nào có thể tương ưng. Cho nên nên biết công đức của chư Bồ-tát tất cả thí dụ không thể đến được vậy.



Quyển 80

Thứ 15. BỒ TÁT ĐỊA

Phần 9

6. Ở trong chánh hạnh an lập sở học của Bồ-tát: Chư Bồ-tát đầy đủ pháp trụ, ở nơi nương theo đạo lý thế tục để sở thuyết không liễu nghĩa, không nương kinh điển tương ưng Thanh văn thừa, đã y nương, đã hành trì, đã được thiện xảo mà lại vượt qua.

Lại ở nơi nương đạo lý thế tục, thắng nghĩa để sở thuyết liễu nghĩa, nương kinh điển tương ưng Đại thừa, tương ưng tánh Không thẳm sâu, lúc siêng tu học gọi là như lý chánh siêng tu học. Lúc như lý chánh siêng tu học như vậy gọi là chánh tu hành hạnh trung đạo thù thắng. Vì có sao? Do chánh pháp đầy năng khiến như thật thấu suốt 13 hành trung đạo: 1. Thấu suốt bổ-đặc-già-la tánh Không; 2. Thấu suốt bổ-đặc-già-la tánh vô ngã; 3. Thấu suốt pháp tánh Không; 4. Thấu suốt pháp tánh vô ngã; 5. Thấu suốt biên tăng ích; 6. Thấu

suốt biên tổn giảm; 7. Thấu suốt pháp hiện quán; 8. Thấu suốt pháp hiện quán hồi hướng tánh Đại Bồ-đề; 9. Thấu suốt hành như vậy, tánh các khổ phiền não không quấy nhiễu tâm; 10. Thấu suốt hai thắng giải vô ngã sai biệt; 11. Thấu suốt tánh vô ngã trước là tánh nhân về sau; 12. Thấu suốt đến gần mé tánh Không; 13. Thấu suốt uy đức của tánh Không kia.

Sao gọi là thấu suốt bổ-đặc-già-la tánh không?
Do chỗ hiển 1 chủng tướng không thể đắc. Trong đây, không thể đắc tức là không thể đắc ở 3 chủng sự: 1. Sự hữu tình; 2. Sự hữu tình sai biệt; 3. Sự thọ dụng của hữu tình. Hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc giữa hai, ngu phu biến kế sở chấp cho là thật ngã. Đây đều không thể đắc.

Sao gọi là thấu suốt bổ-đặc-già-la tánh vô ngã?
Do chỗ hiển 1 tướng khả đắc. Trong đây, khả đắc tức là ở trong ba sự kia, vì ngu phu biến kế duyên sanh các pháp tánh thật thường trụ, thì không thể đắc. Ngu phu kế chấp tánh ngã tướng khác, thì đạo lý khả đắc.

Sao gọi là thấu suốt pháp tánh không? Chỉ do chỗ hiển 1 tướng không thể đắc. Trong đây, không

thể đắc tức ở nơi sự kia chấp lấy tánh vô thường. Hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc giữa hai, ngu phu biến kế sở chấp ngôn thuyết tự tánh. Đây đều không thể đắc.

Sao gọi là thấu suốt pháp tánh vô ngã? Do chỗ hiển chỉ 1 tướng khả đắc. Trong đây, khả đắc tức là ở sự kia đạo lý sở hành thánh trí khả đắc. Lại, tức ở kia tự bên trong sở chứng, không thể dùng lời vì người tuyên thuyết. Khả đắc kia có sáu tướng, ở nơi các ngu phu biến kế sở chấp ngôn thuyết tự tánh tướng khác khả đắc. Những gì là sáu tướng?
1. Không thể tự mình tâm tư; 2. Không thể thuyết chỉ bày người; 3. Vượt quá sở hành sắc căn; 4. Vượt quá tất cả tướng; 5. Vượt quá sở hành thức; 6. Vượt quá sở hành phiền não.

Sao gọi là thấu suốt biên tăng ích? Do 2 chủng tướng: 1. Vì chỗ hiển tăng ích sai biệt; 2. Vì chỗ hiển tăng ích tự tánh.

Những gì gọi là tăng ích sai biệt? Tức là về sau có 8 tướng triển chuyển:

1. Tức ở sự kia chấp tăng ích thường.
2. Chấp tăng ích vô thường.
3. Chấp tăng ích thường làm chỗ nương cho

chấp tăng ích ngã.

4. Chấp tăng ích vô thường làm chỗ nương cho chấp tăng ích vô ngã.

5. Chấp tăng ích vô ngã làm chỗ nương cho chấp tăng ích tâm chân thật.

6. Chấp tăng ích ngã làm chỗ nương cho chấp tăng ích tâm không chân thật. Đây lại có hai chủng: 1. Chắc chắn; 2. Tìm hiểu. Tìm hiểu tức là chỗ nương biến kế và tương ưng biến kế. Ở trong pháp tạp nhiễm sở đối trị có năm lỗi lầm, đó là: lỗi lầm điên đảo, lỗi lầm hý luận, lỗi lầm phát khởi ác hành, lỗi lầm thô trọng, lỗi lầm tánh vô thường. Ở trong pháp thanh tịnh năng đối trị các lỗi lầm kia.

7. Chấp tăng ích tâm chân thật làm chỗ nương cho chấp tăng ích thiện... cho đến chấp tăng ích thanh tịnh.

8. Chấp tăng ích tâm không chân thật làm chỗ nương cho chấp tăng ích bất thiện cho đến chấp tăng ích tạp nhiễm. Đây gọi là tám chủng tăng ích sai biệt. Trong đây, Bồ-tát ở nơi các tăng ích kia đều không chấp trước, không khuyến khích, cũng không tán thán người chấp.

Những gì gọi là tăng ích tự tánh? Tăng ích sai

biệt làm chỗ nương, bởi các ngu phu biến kế sở chấp chỗ có ngôn thuyết tăng ích tự tánh, tức ở nơi sự kia mà chấp tăng ích là có.

Sao gọi là thấu suốt biên tổn giảm? Do chỗ hiển 1 tướng tổn giảm sự thật. Trong đây, tổn giảm sự thật tức là ở nơi tà pháp tánh vô ngã phát khởi tin hiểu rồi chấp trước tất cả chúng, tất cả pháp, tướng đều vô sở hữu.

Sao gọi là thấu suốt pháp hiện quán? Do 3 chủng tướng: 1. Do chỗ hiển tức ở trong sự kia và sự sanh thứ tư, an lập sở trị, năng trị, hữu vi, vô vi, tự tánh không thể đắc; 2. Do chỗ hiển kia sai biệt không thể đắc; 3. Do chỗ hiển tức xuyên suốt tu tập kia, do chỗ hiển trí như thật thông đạt. Trong đây “tự tánh không thể đắc” tức là các ngu phu biến kế sở chấp tự tánh. Trong đây “sai biệt không thể đắc” tức là tự tánh kia hoại diệt, sanh khởi tích tập thành hai phần không thể đắc. Trong đây trí thông đạt, tức là tướng tự tánh kia, không do tác ý, không do gia hạnh tư trạch mà bên trong tự chứng trí thông đạt.

Sao gọi là thấu suốt pháp hiện quán, hồi hướng tánh Đại Bồ-đề? Do chỗ đắc một chủng tướng “tư

trạch”, đó là vì năng trị, sở trị không đoạn trừ. Trong đây năng trị và sở trị tức là: không thì phiền não đối trị; vô nguyện thì hữu nguyện đối trị; vô tướng thì các tướng đối trị. Tất cả như vậy gọi là không tạo tác. Chỗ gọi là Niết-bàn diệt hành vô tự tánh đây thì nghiệp hậu hữu đối trị, cũng là sanh thân lưu chuyển, sanh sát-na lưu chuyển đối trị. Đây lại lấy sanh tử lưu chuyển làm sở đối trị. Nếu chư Bồ-tát do đối trị đây, nên khởi tư trạch không đoạn sở trị. Đây do bị mắc đối với các chúng sanh mà hy cầu Đại Bồ-đề.

Sao gọi là thấu suốt hành như vậy, tánh các khổ phiền não không quá nhiều tâm? Do 1 chủng tướng, đó là: tuy không vĩnh viễn đoạn trừ pháp sở đối trị, mà năng như thật thông đạt. Trong đây, như thật thông đạt tức là ở nơi pháp kia do nương gia hạnh pháp vô ngã mà quán tự tánh kia không nhiễm không khổ.

Sao gọi là thấu suốt sai biệt? Do 4 chủng tướng: 1. Do chỗ hiển kiến sai biệt; 2. Do chỗ hiển tức đây tổn giảm sai biệt rất xa; 3. Do chỗ hiển ở nơi đoạn-mê lầm sai biệt; 4. Do chỗ hiển ở nơi tâm-mê lầm sai biệt.

Trong đây, kiến sai biệt tức là trụ bổ-đặc-già-la vô ngã và Niết-bàn, ở đương lai đoạn diệt thân sanh, khởi tăng thượng mạn. Lại do ở nơi sở thủ, năng quán sát; do ở nơi năng thủ ngôn thuyết tự tánh rốt ráo xa lìa nhiếp vào tánh Không mà không quán sát, gọi là chẳng khéo quán sát cảnh giới sở tri. Do chấp trước các pháp, nên mong cầu đoạn diệt phiền não. Chư Bồ-tát thì chẳng như vậy.

Trong đây, tổn giảm sai biệt rất xa tức là trụ bổ-đặc-già-la vô ngã. Dị sanh ở trong ngã kiến đã hạ liệt lại càng hạ liệt, do hai nhân duyên là do không giải thoát khổ và do an trụ khổ. Do đây nên trước sau sanh khởi hai chủng lỗi lầm chấp trước. Chư Bồ-tát thì không như vậy.

Trong đây, ở nơi đoạn-mê lầm sai biệt tức là trụ bổ-đặc-già-la vô ngã, mà do chấp pháp vô ngã, vô tự tánh, liền sanh hãi sợ, cho là không có ngôn thuyết tự tánh, truy cầu đoạn diệt. Chư Bồ-tát thì không như vậy.

Trong đây, ở nơi tâm-mê lầm sai biệt, tức là trụ bổ-đặc-già-la vô ngã, vì ở nơi đoạn-mê lầm như trên đã nói, bên trong tự biến kế phát khởi cảnh giới là chỗ điên đảo của tướng điên đảo... Chư Bồ-

tát thì không như vậy.

Sao gọi là thấu suốt tánh nhân? Do 2 chủng tướng: 1. Do chỗ hiển quán sát “năng thủ”; 2. Do chỗ hiển như thật thông đạt kia. Trong đây, quán sát năng thủ tức là quán sát trí vô ngã đây, vì xa lìa ngôn thuyết tự tánh, vì xa lìa phân biệt kia, vì tướng nên xả, vì có sát-na. Trong đây, như thật thông đạt kia tức là quán sát hai chủng sở thủ và năng thủ, như lý tác ý tư duy làm nhân, mỗi mỗi riêng bên trong chứng đắc nên quyết định trí sanh khởi.

Sao gọi là thấu suốt đến gần mé tánh Không? Do 1 chủng tướng, tức pháp trí vô ngã kia như thật hiển hiện. Trong đây, như thật hiển hiện tức là vì hiển hiện tương tự tướng nghiệp phiền não, vì pháp không thể nói bàn, vì lìa ngôn thuyết tự tánh, vì như vậy không chấp trước, vì có sát-na.

Sao gọi là thấu suốt uy đức của tánh Không kia? Do chỗ hiển 1 chủng tướng, đó là đối trị đoạn nghiệp phiền não. Trong đây, đoạn tức là sát-na tướng quang minh sanh, năng đoạn tất cả các nghiệp phiền não từ vô thủy tích tập đến nay.

7. Thanh văn có bao nhiêu chủng? Sở học Thanh văn và sở học Bồ-tát có gì sai khác? Thanh văn có 4 chủng. Sở học Thanh văn và sở học Bồ-tát nên biết có 13 chủng sai khác.

Những gì gọi là bốn chủng Thanh văn? 1. Thanh văn biến hóa; 2. Thanh văn tăng thượng mạn; 3. Thanh văn hồi hướng Bồ-đề; 4. Thanh văn một hướng hướng đến tịch tịnh.

Thanh văn biến hóa: vì muốn hóa độ. Do hóa độ các hữu tình kia, hoặc chư Bồ-tát, hoặc chư Như Lai hóa làm Thanh văn.

Thanh văn tăng thượng mạn: chỉ do bố-đặc-già-la an trụ vô ngã trí, lại chấp trước tà pháp vô ngã trí, mà kế chấp cho là thanh tịnh.

Thanh văn hồi hướng Bồ-đề: từ bản lai là chủng tánh từ bi rất yếu kém. Do được thân cận gần gũi chư Như Lai, ở trong Phật pháp rộng sâu khởi tưởng có công đức rộng lớn, nên huân tu tương tục. Tuy đạt đến rốt ráo trụ ở vô lậu giới, mà mong gặp được chư Phật phương tiện khai thị dẫn nhập giác ngộ. Do nhân đây bèn năng phát khởi hướng đến Bồ-đề rộng lớn. Tuy vị kia năng phát khởi hướng đến Bồ-đề rộng lớn như vậy, nhưng do tập

quen vui thích tịch tĩnh, nên ở nơi gia hạnh vị đây thành rất trì trệ. Không như người mới đầu phát tâm có chủng tánh Phật.

Thanh văn một hướng hướng đến tịch tĩnh: từ bản lai là chủng tánh từ bi vô cùng yếu kém, vì một hướng trái bỏ việc lợi ích chúng sanh, vì sợ hãi sâu đối với khổ sanh tử, chỉ an lập ý lạc sẽ an trụ rốt ráo Niết-bàn, không thể phát tâm hướng đến Đại Bồ-đề. Như hai vương tử cùng sanh trong cung, đều bình đẳng thọ diệu dụng khoái lạc ở vương cung. Vương tử thứ nhất cùng vua luận bàn việc nước, khéo léo cai trị, khéo biết các việc. Vương tử thứ hai thì chẳng vậy. Do đây mà năng phân biệt sự khác nhau của hai vương tử, chẳng phải nương vào sự thọ dụng khoái lạc mà có thể biết.

Như vậy ở trong vô lậu giới, chúng chư Bồ-tát và Thanh văn một hướng hướng đến tịch tĩnh nên biết có 13 chủng sai khác: 1. Vì ý lạc; 2. Vì huân tập thành tựu pháp bạch; 3. Vì huân tập thành tựu trí; 4. Vì chủng loại; 5. Vì chủng tánh; 6. Vì trì chủng; 7. Vì gia hạnh; 8. Vì oai đức; 9. Vì chánh hạnh; 10. Vì phước điền; 11. Vì thù thắng sai biệt; 12. Vì nhân quả; 13. Vì nương sanh sai biệt.

Thanh văn một hướng hướng đến tịch tĩnh, vì ở trong việc hành các hạnh tập nhiệm năng làm lợi ích hữu tình, một hướng trái lìa, xả bỏ, một hướng ý vui an trụ tịch tĩnh. Bồ-tát tuy có cấu nhiễm mà trái với Thanh văn kia.

Lại Thanh văn kia chỉ vì tự thân được tăng trưởng, nên pháp bạch nhỏ hẹp. Bồ-tát vì vui muốn khiến tất cả hữu tình được tăng trưởng pháp lạc, nên pháp bạch vô lượng.

Lại Thanh văn kia huân tập thành tựu trí vô vi, chỉ vì trừ khiên phiền não của tự thân. Bồ-tát chẳng vậy, khắp vì tất cả các loại hữu tình ở mười phương cõi giới.

Lại Thanh văn kia tuy duyên pháp cảnh giải thoát vi diệu thù thắng, tác ý huân tập thành tựu, nhưng chẳng phải là con Phật. Bồ-tát tuy duyên pháp cảnh các hành hữu tình hạ liệt để tác ý huân tập thành tựu, nhưng là con Phật.

Lại Thanh văn kia tuy siêng tinh tấn, ở nơi các đế thiện xảo tâm khéo an định, nhưng vì không thành tựu chủng tánh tướng Phật, nên chư Phật Thế Tôn không kham nhiếp thọ. Chư Bồ-tát trái với tướng kia.

Lại Thanh văn kia đến rốt ráo, căn tụy thành thực, nhưng ở đời đương lai không năng làm Phật sự. Bồ-tát sơ tâm sát-na sanh rồi, liền năng tạo làm các việc lợi ích.

Lại Thanh văn tụy đến rốt ráo mà chư thiên, loài người thấy không vì vị kia cúng dường khen ngợi tán thán. Không như Bồ-tát mới bắt đầu sự nghiệp tu hành, tụy chưa đến địa vị rốt ráo, nhưng uy đức cùng với trí tuệ năng chiếu sáng phủ trùm tất cả Thanh văn, Độc giác.

Lại Thanh văn kia lương được trí huệ năng trị bệnh phiền não tụy thành tụy viên mãn mà không thể trị bệnh phiền não của chúng sanh. Chư Bồ-tát trái lại, bởi năng tu hành lợi ích người nên làm các việc có nghĩa lợi ích thù thắng.

Lại Thanh văn kia tụy đến cứu cánh, trí quang minh soi chiếu các hữu tình, nhưng chẳng phải phước điền chân thật của chư thiên cùng các thế gian như chư Bồ-tát chưa tận phiền não.

Lại Thanh văn ở trong tất cả thời chỉ vượt thắng nhất ở thời có Như Lai. Chư Bồ-tát ở trong chúng tối thắng, chỉ càng thêm tối thắng, vì Bồ-tát kia ở nơi đây huân tập mà thành tụy.

Lại do 2 duyên nên biết Bồ-tát thù thắng hơn: 1. Vì năng thành thực các hữu tình; 2. Vì năng thành thực các Phật pháp. Do nhân duyên đây, tùy theo sự thành thực các loại hữu tình năng khiến họ giải thoát, mà cảm được quả Bồ-đề. Thí như có người năng có giác huệ biện biệt thuần thực rất kỳ đặc, không phải người kia ngay lúc đầu tự nhiên có được thực dụng ấy. Trong đây đạo lý nên biết cũng vậy.

Lại Thanh văn kia tuy một hướng thọ học tu hành nhân pháp thanh tịnh, cũng nhiếp thọ vô lượng bạn lành, mà không thể dẫn phát quả Đại Bồ-đề. Chúng chư Bồ-tát trái với tướng kia, mà năng dẫn phát.

Lại các Thanh văn nương Bồ-tát mà được sanh, không phải chư Bồ-tát nương Thanh văn kia.

8. Bồ-tát khéo học sở hữu trí thế gian, xuất thế gian năng làm việc lợi ích người: Chư Bồ-tát ở khắp mười phương hoặc du hành qua các thế giới, hoặc du hành qua các quốc độ, hoặc du hành trải qua các kiếp sống, hoặc khuyến thỉnh người làm đại lương y, khéo năng trị bệnh phiền

não quở mị bám níu khiến hữu tình chìm đắm, tuyên thuyết ba đạo học thanh tịnh.

Sao gọi là thế gian trí? Tức là chỗ có tạp nhiễm, nếu ở phẩm thô thì năng dùng “dùng dứt” để đối trị, nếu ở phẩm trung thì năng dùng “chế phục” để đối trị.

Tạp nhiễm phẩm thô: là người tại gia hành nương tánh tham hành, sân hành, si hành. Những người xuất gia nương theo tánh thấy và nương theo tánh tác ý bất chánh, về sau nương theo tánh hữu nguyện. Do bốn điên đảo chung và riêng, nên nương theo tánh không phải giải thoát chấp cho là giải thoát.

Tạp nhiễm phẩm trung: vì đã chân chánh đoạn trừ tạp nhiễm phẩm thô, mỗi mỗi dụng đối trị riêng làm chỗ nương. Nếu ở các cảnh giới nương tánh tham sân si triền, liền ở nơi sở duyên kia chân chánh buộc tâm, khiến tâm tán loạn được an định; lại phải tinh cần tu tập pháp Bồ-đề phần mới năng chế phục. Nếu không nương cảnh giới đây mà tự thị cao cử, liền ở nơi sở duyên buộc tâm khiến an trụ dững mãnh tinh tấn.

Từ đây, ở nơi an trụ năng chân chánh nhiếp

thọ. Do an trụ nhiếp thọ, nên ở trong tương tục huân tập, trong niệm chuyển theo phiền não liền năng chế phục.

Từ đây, vì đoạn pháp sở trị xuất thế gian, nên nương theo đối trị tức khiến an trụ kiên cố. Từ đây lại năng hàng phục các duyên ngu phát khởi, đó là ngu bổ-đặc-già-la tánh vô ngã và ngu pháp tánh vô ngã.

Từ đây năng đối với tà đạo chánh đạo đều được quyết định phân minh. Do đây, ở nơi tạp nhiễm tương ưng phẩm thô, trí năng dùng *dùng dứt* để đối trị; ở nơi tạp nhiễm tương ưng phẩm trung, trí năng dùng *chế phục* để đối trị. Đây gọi là thế gian trí.

Sao gọi là xuất thế gian trí? Đã chế phục các tham sân si triền, các tạp nhiễm như vậy rồi, lại năng đối trị sở hữu tạp nhiễm tùy miên vi tế, chân thật trí đây gọi là xuất thế gian trí. Lại nghĩa đây thế nào? Tức là nương 3 xứ thiện xảo để chế phục đối trị, đó là: duyên khởi thiện xảo, thắng giải bổ-đặc-già-la vô ngã thiện xảo và thắng giải pháp vô ngã thiện xảo. Vì muốn vượt qua tạp nhiễm không sót thừa, đối trị bốn chủng vô trí, không đợi người

dạy mà ở bên trong tinh cần quán sát tâm mình. Bốn vô trí gồm: **a.** Vô trí ở nơi cộng tướng; **b.** Vô trí ở nơi tự tướng; **c.** Vô trí ở nơi tướng tạp nhiễm; **d.** Vô trí ở nơi tướng thanh tịnh.

a. Do 3 chủng tướng nên biết cộng tướng của tâm: 1. Vì ở nơi duyên sanh không hiện tại tiền, không tác dụng; 2. Vì ở hiện tại chỉ một sát-na, không tác dụng; 3. Vì tự duyên tham... mà sanh, chẳng phải do tâm tạo tác.

b. Do 3 chủng tướng nên biết tự tướng của tâm: 1. Vì tự tánh không thể đắc; 2. Vì do sáu chủng tướng như thật khả đắc; 3. Vì sở đắc trí của tất cả bậc Thánh không có sự sai khác.

c. Do 3 chủng tướng nên biết tướng tạp nhiễm của tâm: 1. Vì sanh; 2. Vì chuyển; 3. Vì hành.

Ở trong các đường, vì chủng chủng tự thể sanh, gọi là sanh tạp nhiễm. Tức ở trong sanh đây, vì sát-na tự nhiên có lưu chuyển, vì tất cả sở duyên khó triển chuyển hàng phục, vì là chỗ chuyển của thế lực tham ái, gọi là tạp nhiễm chuyển. Hoặc ở hành kia, hoặc hành như vậy, gọi là tạp nhiễm hành.

Đó là hoặc có lúc hành thiện, như có lúc an ổn

trong thiện, tức liền xả bỏ suy nghĩ tìm cầu điều xấu.

Hoặc có lúc hành bất thiện, như có lúc hành bất thiện hiện tiền; ở trong khó khăn và suy thạnh, bị sự phiền não của thương và ghét quá nhiều. Lại vì trôi theo thế lực phóng dật, khiến tất cả việc làm lành thiện căn bản đều bị tổn hoại.

Hoặc có lúc hành trong cảnh giới, như có lúc vì quá say đắm cảnh sắc... tuy ở nơi lợi ích của cam lồ giới, lớp lớp tư duy chọn lựa, mà khó thể an lập.

Hoặc có lúc hành gây tạo nghiệp, như có lúc thuận theo pháp lạc... hiện hành tăng thượng; hoặc lại tự mình sanh khổ đoạn trừ hoại diệt các lạc, đây không do chấp trước mà chỉ do điên đảo. Do đây tự thân dẫn phát nhiều khổ, không biết nhàm chán thấy đủ.

Hoặc có lúc hành phiền não. Lại ở nơi phiền não mà hành tham, sân... không quyết định, không phải tức ở trong đây hành có tham rồi lại hành không tham, hành không tham rồi lại hành có tham...

Như vậy ở trong nghĩa tạp nhiễm đây, nên biết hiển bày sự ấy bằng các thí dụ giả lập.

d. Do 3 chủng tướng nên biết tướng thanh tịnh của tâm: 1. Vì tướng không thể đặc; 2. Vì tướng vô vi; 3. Vì tướng chủng tánh.

Tướng không thể đặc: nếu không như lý siêng tu riêng khác mà cầu tâm thanh tịnh, thì không thể chứng đắc. Nếu do như lý siêng tu, liền năng chứng đắc.

Tướng vô vi: chẳng thể quán thấy ngôn thuyết tự tánh để thấy tướng chân như. Tướng vô vi đây do quán sát 9 chủng tướng: 1. Vì chẳng hành “đời”; 2. Vì chẳng phải như ở Diệt tận định, ngôn thuyết tự tánh không thể đặc; vì tướng chân như khả đắc tức là tướng không hai; 3. Vì chẳng phải tướng thân sanh; 4. Vì vượt quá tướng tự tánh nhân của thân sanh; 5. Vì vượt quá sanh đương lai; 6. Vì vượt quá chết; 7. Vì vượt quá sát-na triển chuyển không xa lìa; 8. Vì vượt quá các đường, chuyển đổi; 9. Vì vượt quá nghiệp phiền não hành.

Tướng chủng tánh: nên biết là tướng của cõi vô học, ở trong hiện pháp vượt quá 5 sự: 1. Vượt quá sở tác; 2. Vượt quá chẳng phải sở tác; 3. Vượt quá sở tác gia hạnh; 4. Vượt quá sở tác chẳng phải gia hạnh; 5. Vượt quá chẳng phải sở tác, gia hạnh.

Ở trong hậu pháp vượt quá 6 sự: 1. Vượt quá năng phát khởi hành hậu hữu; 2. Vượt quá hành hậu hữu kia; 3. Vượt quá quả của kia sanh; 4. Vượt quá nương suy thành của kia; 5. Vượt quá trong tất cả vô ký, động chuyển của sở y kia, tu học, mong muốn, thọ dụng; 6. Vượt quá sở y tự thể sai biệt của kia.

Cũng do 4 vị và 9 tướng nên biết tướng chủng tánh.

Bốn vị: 1. Vị không thanh tịnh; 2. Vị thanh tịnh; 3. Vị thông đạt; 4. Vị cứu cánh.

Chín tướng: 1. Hoặc ở vị không thanh tịnh, tức vì ở khắp tất cả tướng thuận theo đó mà hành, thí như hư không; 2. Hoặc ở vị thanh tịnh, thì duy chỉ một vị bình đẳng và thân tâm xa lìa; 3. Hoặc ở vị thông đạt, thì thuận theo hướng đến rốt ráo, do tất cả phiền não tự tánh lìa hệ buộc, lìa cấu nhiễm, siêu vượt các thân và siêu vượt kia làm căn bản của các kiến hướng đến ác; 4. Hoặc ở vị cứu cánh thì thành tựu trọn vẹn an lạc và siêu vượt ba chủng biến hoại. Những gì gọi là ba chủng biến hoại? 1. Biến hoại do lão tử...; 2. Biến hoại do xứ điên đảo; 3. Biến hoại do thối thất thanh tịnh.

9. Sở học Thanh văn ở trong dạy trao Bồ-tát: Vì các tham ưu Tỳ-nại-da chính là gia hạnh tăng thượng giới học. Vì tác ý yếm hoạn chính là gia hạnh tăng thượng tâm học. Vì bổ-đặc-già-la tánh vô ngã, hoặc pháp tánh vô ngã chính là gia hạnh tăng thượng tuệ học.

Trong đây, tham ưu chính là năng phát khởi hủy phạm. Lại do 4 tướng đây: như đang không trừ khiển; như đã không trừ khiển; như đang trừ khiển; như đã trừ khiển. Nên biết tự tâm không như lý tác ý phát khởi tham dục thân kiến cùng với sân khuể.

Hoặc do cảnh giới, hoặc lại do người mà khởi kế chấp hư vọng, như vậy gọi là đang không trừ khiển. Hoặc do cảnh giới, hoặc do người làm những việc không nhiều ích mà bị dẫn đoạt, như vậy gọi là đã không trừ khiển. Do một đây không trừ khiển, nên biết một kia cũng không trừ khiển. Do một đây trừ khiển, nên biết một kia cũng lại trừ khiển.

Lại nếu không trừ khiển, tuy trụ luật nghi đối với tăng thượng giới vẫn còn gọi là hủy phạm, huống là an trụ bất luật nghi.

Lại, tăng thượng tâm học thì nơi sở duyên

cảnh tán loạn lao xao là năng chướng ngại.

Lại nếu nương bổ-đặc-già-la vô ngã mà tu tăng thượng tuệ, thì thân kiến là năng chướng ngại. Nếu nương pháp vô ngã mà tu tăng thượng tuệ, thì phân biệt kế chấp phược tự tánh sai biệt là năng chướng ngại.

Ở trong ba học, chánh tu trừ khiển có 8 chủng trái ngược pháp học và có tám chủng thuận theo pháp học. Những gì là tám? 1. Vì đấm trước hoang đường; 2. Vì đấm trước nên phược; 3. Vì phược nên chướng ngại; 4. Vì chướng ngại nên cấu nhiễm; 5. Vì cấu nhiễm nên tai hoạnh; 6. Vì tai hoạnh nên ung nhọt; 7. Vì ung nhọt nên nhiệt não; 8. Vì nhiệt não nên các bệnh phiền não khó thể trị liệu. Trái với tướng đây nên biết tức là tám chủng thuận theo pháp học.

10. Sa-môn không khéo học: Nên biết có 3 chủng: 1. Không nghĩ tướng đến việc của Sa-môn; 2. Hình tướng tương đồng; 3. Quĩ tắc, chánh mạng, thọ dụng, gia hạnh, giới, kiến, ý lạc đều không tương đồng.

Nếu tu tập năng hướng đến vật nuôi thân, thì

hình tướng tương đồng là tăng thượng giới, hình tướng tương đồng là tăng thượng tâm và tăng thượng tuệ; không tương đồng là hành ý lạc...

Nếu hướng đến danh tiếng, thì hình tướng tương đồng là chi Xa-ma-tha, hình tướng tương đồng là chi Tỳ-bát-xá-na, hình tướng tương đồng là đồng tu cả hai chi, hình tướng tương đồng là tư lương của cả hai chi; không tương đồng là ý lạc.

Lại do 3 chủng tướng nên biết Sa-môn kia được gọi là không đúng như nghĩa: 1. Ý lạc suy tổn, gia hạnh đầy đủ; 2. Ý lạc đầy đủ, gia hạnh suy tổn; 3. Ý lạc suy tổn, gia hạnh suy tổn.

Trong đây ý lạc suy tổn, gia hạnh đầy đủ lại có 3 chủng: 1. Năng lắng nghe, chỉ vui đủ ở nơi việc đây; 2. Năng thuyết, chỉ vui đủ ở nơi việc đây; 3. Năng chứng tam-ma-địa thế gian mà sanh ái vị, chỉ vui đủ ở nơi việc đây. Nếu là Sa-môn học thiện, chỉ có một tướng nên biết đó là ý lạc đầy đủ, gia hạnh đầy đủ.

11. Sa-môn khéo học: Nên biết có 4 chủng tướng: 1. Vì gia hạnh; 2. Vì ý lạc; 3. Vì thông đạt; 4. Vì hướng đến cứu cánh. Tức là ở trong hiện

pháp vì gia hạnh nhằm chán họa hoạn, ở đời trước vì gia hạnh tương tục thành thực, do đây nên gia hạnh viên mãn.

Vì ý lạc thắng giải pháp vô ngã, hoặc điều nên đắc, hoặc chỗ nên đắc; vì ở nơi hai ngôn thuyết tự tánh đây không chấp trước; vì ở nơi ý thú nghĩa chân chánh tìm hiểu; vì không chỉ thuận theo ngôn từ, do đây nên ý lạc viên mãn.

Vì đối với pháp chân như, không duyên trí người mà năng thông đạt tự tánh không tạp nhiễm; vì tự tánh trói buộc của bảo thể tục (sự quý báu của thể tục) và sanh tử thế tục, giải thoát Niết-bàn đều vô sở đắc, do đây nên thông đạt viên mãn.

Vì đã khéo tu tập đối trị tất cả tạp nhiễm, lại ở nơi chân như không đoạn trừ hoại diệt, vì năng thắng phục, do đây nên hướng đến cứu cánh viên mãn.

12. Trụ thế tục luật nghi: Nên biết có 4 chủng tướng. Tuy thành tựu 6 chi giới, mà do 2 chủng tổn hại khiến tổn hại giới, đó là: 1. Do thân kiến triển; 2. Do ở nơi hủy phạm, ra khỏi, xa lìa, không thể rõ biết.

Tuy xa lìa hai chủng lỗi lầm đây, nhưng chưa đắc thanh tịnh luật nghi thế gian, nên không thể chế phục thân kiến.

Tuy đã đắc thanh tịnh luật nghi thế gian, đã chế phục thân kiến, nhưng không tổn giảm, thường xuyên tập pháp tánh vô ngã, do đây sợ hãi tổn hoại giới.

Tuy xa lìa tất cả lỗi lầm còn sót lại, nhưng bị tà hiểu biết pháp vô ngã và tăng thượng mạn, nên tổn hoại giới.

13. Trụ thắng nghĩa luật nghi: Sự thành tựu của luật nghi xuất thế gian đây không tương ưng tất cả phiền não, năng đối trị phiền não ba cõi. Lại ở trong bốn chủng trụ luật nghi, nếu các pháp hý luận hiện khả đắc năng tịch tĩnh tương kia, nên biết đây gọi là vô lậu giới.

Sao gọi là các pháp hý luận? Ở trong trụ luật nghi ban đầu, hoặc chấp ngã khả đắc, hoặc chấp ngã sở; hoặc tạo tác hủy phạm, hoặc không tạo tác kia; hoặc thực hành gia hạnh tư, hoặc chẳng phải gia hạnh kia; hoặc chánh biết mà hành, hoặc không hành kia; hoặc thất niệm mà hành,

hoặc không hành kia.

Ở trong trụ luật nghi thứ hai, hành chuyển theo phẩm thô trọng thân kiến, hoặc danh khả đắc, hoặc sắc khả đắc, hoặc tướng sanh đương lai, hoặc tướng không hiện tại, hoặc triền tịch tĩnh, hoặc tùy miên nên kia không tịch tĩnh, hoặc chấp bổ-đặc-già-la vô ngã, hoặc xả bỏ chấp bổ-đặc-già-la, hoặc tức ở trong chấp bổ-đặc-già-la vô ngã kia kế chấp tánh, hoặc không kế chấp tánh, hoặc do đây nên ở trong sắc... chấp hữu tình, hoặc giả sử chấp thiện khen ngợi kia, hoặc năng giả sử tâm ngữ, giả sử khen ngợi, chấp thiện.

Ở trong trụ luật nghi thứ ba, hoặc vì sanh thượng nên thế gian, hoặc vì hạ xả nên chẳng phải thế gian, hoặc y nương tam-ma-địa, hoặc nương các dục, hoặc y dựa giới của mình, hoặc khinh miệt giới của người.

Ở trong trụ luật nghi thứ tư, hoặc kế chấp “Giới của ta thanh tịnh”, hoặc do phân biệt tự tánh sai khác, phân biệt giới luật.

Hết thấy các pháp hý luận như vậy, ở trong vô lậu giới tất cả đều tịch tĩnh. Lại tức nghĩa đây tương ứng cùng nương ba học thanh tịnh, nên biết

thuyết là Già-đà. Vì trần cấu mỏng nhẹ, vì nhiếp thọ thiện sĩ không hoại mất, nên biết đây thành tựu tư lương phước đức. Vì ở nơi xứ thẳm sâu phát khởi thắng giải, nên biết khiến thành tựu tư lương trí tuệ.

Do 2 nhân duyên khiến thâm nhập lời dạy của Như Lai: 1. Do pháp trụ trí nên liễu biệt sâu xa; 2. Do chân thật trí nên được khéo léo quyết định.

14. Phương tiện điều phục của chư Như Lai: Đây có 2 chủng: 1. Vì tự thể đồng phận; 2. Vì thắng giải đồng phận.

Lại thị hiện đồng phận, vì khiến tâm an trụ lãnh thọ lời dạy và vì nương dạy trao mà ra khỏi xa lìa.

Lại gia hạnh chân chánh dạy dẫn dạy trao thanh tịnh có 4 chủng: 1. Dạy dẫn trong việc ở nơi thanh tịnh tạp nhiễm nhằm sợ chuyển y; 2. Dạy dẫn khiến xa lìa nhân duyên tạp nhiễm; 3. Dạy dẫn khiến xa lìa nhân duyên nhằm sợ thanh tịnh; 4. Dạy dẫn khiến gia hạnh hiện pháp lạc trú bậc nhất.

Trong đây nhân duyên tạp nhiễm có 2 chủng:
1. Do ngôn thuyết thế tục tự tánh, phân biệt kế chấp tự tánh tạp nhiễm; 2. Do phân biệt kế chấp công đức, lỗi lầm sai biệt của kia.

Do hai chủng tướng nên biết nhân duyên nhằm sợ đạo thanh tịnh: 1. Do phân biệt ở trước sau đạo thanh tịnh, tạp nhiễm; 2. Do phân biệt xa lìa tạp nhiễm.

Do hai chủng tướng nên biết nhân duyên nhằm sợ đối với Niết-bàn thanh tịnh: 1. Do chấp ngôn thuyết thế tục tự tánh; 2. Vì ở trong tướng tăng ngữ “Niết-bàn”, khởi tướng tâm sở hữu. Lại vì ở nơi tịch tĩnh khởi tướng tâm sở hữu, hoặc vì tướng tăng ngữ “khấp rõ biết”. Đều xa lìa 2 nhân duyên như vậy, nên biết đây là trụ gia hạnh dạy dẫn bậc nhất.

15. Ngôn ngữ mật ý: Là trí tướng không hai, chính tướng đây tức năng ngộ nhập tất cả ngôn ngữ mật ý.

Sao gọi là tướng không hai? Vì các danh lời đặt để cho tất cả sự việc, tự tánh của chúng không chỗ có. Vì sở hành của tướng huân tập các danh lời

kia, tự tánh chẳng phải có. Đây thuyết là không hai. Ở nơi không hai đây mà khởi chấp hai, gọi là tạp nhiễm; nếu không chấp hai, gọi là thanh tịnh.

Lại vì tất cả danh lời đặt để cho tất cả sự việc, do ngôn thuyết thế tục nên sở hành của tướng huân tập danh lời, tự tánh chẳng phải không chỗ có. Vì sở hành của trí huân tập kia, tự tánh chẳng phải có. Đây thuyết là không hai. Ở nơi không hai đây mà khởi chấp hai, gọi là tạp nhiễm; nếu không chấp hai, gọi là thanh tịnh. Do tướng không hai đây, nên biết ngộ nhập tất cả ngôn ngữ mật ý Như Lai. Trong đây do năm chủng tướng gọi là luận viên mãn. Tức trong “dạy trao”, do năm chủng tướng gọi là quả viên mãn, do năm chủng tướng gọi là quả thắng lợi viên mãn, nên biết đều nương ngôn ngữ mật ý.

Sao gọi là do năm chủng tướng gọi là luận viên mãn? Hoặc do tuyên thuyết tướng đây; hoặc là tuyên thuyết; hoặc sở tuyên thuyết; hoặc tuyên thuyết như vậy; hoặc tuyên thuyết kia, như vậy viên mãn.

Sao gọi là do năm chủng tướng gọi là quả viên mãn? Hoặc Vô dư y Niết-bàn giới; hoặc Hữu dư y

Niết-bàn giới; hoặc viên mãn Thánh đạo; hoặc thắng nội oán; hoặc thắng ngoại oán, như vậy viên mãn.

Sao gọi là do năm chủng tướng gọi là quả lợi ích thù thắng viên mãn? Tức là cúng dường Đại sư, báo ân tín thí, vượt khổ sanh tử, không thối chuyển nơi tánh phước điền, từ pháp hóa sanh, gọi là con Như Lai, y chỉ Như Lai.

16. Lợi ích thù thắng của thắng giải trong tạng dạy trao Bồ-tát: Đây do 5 chủng tướng: 1. Khi kiến lập nhân, tức ngầm soi chiếu khiến nhân tăng thượng chiêu cảm giàu sang lớn; 2. Do chuyển y; 3. Do ở xứ đây tác thuyết về khí; 4. Do người tác thuyết khí; 5. Do lúc xả thân được thấy nghiệp thanh tịnh.

Do 5 chủng tướng nên biết ngầm soi chiếu khiến nhân tăng thượng chiêu cảm giàu sang lớn, chỗ gọi nhân đây vì năng dẫn quả có lượng, vô lượng; vì pháp có tận, vô tận; vì chiêu cảm lạc rộng lớn, không rộng lớn; vì tự tánh trí, tư lương trí; vì do đây năng dẫn kia.

Lại do xa lìa 6 chủng lỗi lầm của thân hành.

Những gì gọi là 6 chủng lỗi lầm? 1. Lỗi lầm của tướng ưu sầu; 2. Lỗi lầm do không hiểu biết luôn luôn huân tập; 3. Lỗi lầm do hai chủng tướng oai nghi; 4. Lỗi lầm do ba chủng tướng kinh sợ; 5. Lỗi lầm do hai chủng tướng át-ly-sắc-trá; 6. Lỗi lầm do thân không điều nhu.

Lại ở tướng vui mừng, vắn an, nên biết xa lìa 5 chủng lỗi lầm của ngũ hành. Những gì là 5 chủng lỗi lầm? 1. Lỗi lầm do khiếp sợ; 2. Lỗi lầm do thô lỗ; 3. Lỗi lầm do xả bỏ lời Phật, tạo tác hý luận không tương ưng; 4. Lỗi lầm do không tán thán Như Lai; 5. Lỗi lầm do đối với người đồng pháp, không mở lời khuyên răn.

Lại lúc ký biệt điều đã thấu đạt, xa lìa 5 chủng lỗi lầm của ngũ hành. Những gì gọi là 5 chủng lỗi lầm? 1. Lỗi lầm do bị thất niệm ở nơi điều chứng đắc; 2. Lỗi lầm do ngôn ngữ trước sau trái nhau; 3. Lỗi lầm do đạo lý trái nhau; 4. Lỗi lầm do kính tin thánh giáo, quả trách chư thiên; 5. Lỗi lầm do chê bai Như Lai.

Lại xa lìa 5 chủng lỗi lầm của ý hành. Nương nghĩa hiện pháp có 4 chủng trước, nương nghĩa hậu pháp có chủng thứ năm. Những gì gọi là 5

chúng lỗi lầm? 1. Lỗi lầm do không nhẫn, vì ở nơi các việc không nhiều ích ở hiện tại và quá khứ không thể nhẫn thọ; 2. Lỗi lầm do che giấu và do ác tác thiêu não; 3. Lỗi lầm do tham nhiễm, vì hy cầu các dục và thọ dụng, vì hy cầu xa lìa oán; 4. Lỗi lầm do lạc mất chánh niệm, vì nhiếp thọ tà kiến và tâm mê loạn đối với gia hạnh đoạn; 5. Lỗi lầm do kỳ nguyện, vì tự khinh mình, xa lìa sự gia trì rộng lớn của chư Phật, Bồ-tát, xa lìa nguyện vì diệu quốc độ của chư Phật; vì ý lạc nhỏ bé dẫn phát pháp của chư Phật; vì ở tất cả pháp thế gian thù thắng hưng thịnh sai biệt lại khởi kiêu mạn và vì nguyện kia.

Ở trong phân biệt tạng dạy trao Bồ-tát, vô lượng sự nêu ra giải thích lợi ích thù thắng của thắng giải, nên biết lợi ích thù thắng của thắng giải có vô lượng vô số.

Trong địa đây, văn quyết trạch còn lại không hiển nói thêm.

Thứ 16. HỮU DƯ Y ĐỊA
Thứ 17. VÔ DƯ Y ĐỊA

Như vậy đã thuyết quyết trạch Bồ-tát địa, nay Ta sẽ thuyết quyết trạch hai địa là **Hữu dư y** và **Vô dư y**. Ớt-Đà-Nam nói:

*Lìa hệ, cùng thọ hành
 Chuyển y, trụ, sai khác
 Có, thường, lạc, thù thắng
 Tánh khác, tự tại thấy.*

Hỏi: Ở trong Hữu dư y Niết-bàn giới lúc hiện tại chuyển, nên nói là lìa hệ buộc hay nên nói là không lìa hệ buộc của tất cả phiền não?

Đáp: Nên nói là lìa hệ buộc.

Hỏi: Ở tất cả khổ nên nói là lìa hệ buộc hay nên nói là không lìa hệ buộc?

Đáp: Nên nói cũng lìa hệ buộc, cũng không lìa hệ buộc. Vì cơ sao? Nếu vị lai sanh sở hữu các khổ, nên nói lìa hệ buộc. Nếu hiện tại sanh sở hữu các tâm khổ, cũng nên nói lìa hệ buộc. Nếu hiện tại

thân đang bị đói khổ, khát khổ, các giới của thân không điều hòa khổ, thời tiết biến chuyển khổ và sở hữu tất cả bức bách của khổ khác, nên nói là không lìa hệ buộc. Đây do hành hiện tiền, không do sự trói buộc của các phiền não.

Hỏi: Tất cả chư A-la-hán đều đắc tâm tự tại, nhân duyên nào không xả thọ hành mà nhập Bát-niết-bàn? Tuy có khổ bức bách vẫn thọ lâu được ư?

Đáp: Vì công năng có sai biệt. Vì có sao? Có một phần A-la-hán năng xả thọ hành, có một phần không năng xả. Có một phần năng tăng thêm thọ hành, có một phần không năng tăng thêm.

Hỏi: Nếu A-la-hán như trên sở hữu sáu xứ sanh khởi, tức như vậy trụ tương tục bất diệt không có biến đổi. Lại có những tánh chuyển y nào khác mà chẳng phải sáu xứ tương tục chuyển? Nếu không có chuyển y khác, nhân duyên nào nên trước sau hai chủng sở y giống nhau? Từ nay về sau phiền não chẳng chuyển, chỉ có Thánh đạo chuyển ư?

Đáp: Các A-la-hán thật có chuyển y. Nhưng không thể nói chuyển y đây và sáu xứ kia tánh khác hay không khác. Vì có sao? Do chuyển y đây là chỗ hiển chân như thanh tịnh, do chủng tánh

chân như, chủng tử chân như, chân như tập thành. Nhưng không thể nói chân như kia và sáu xứ ấy tánh khác hay không khác. Nghĩa “không thể nói” như trước đã biện. Cho nên nếu có người hỏi sở đắc chuyển y và sáu xứ ấy là khác hay không khác, tức hỏi không như lý. Nếu thể của chuyển y đây không có, tức có lỗi lầm như trước đã thuyết. Vì có sao? Vì lúc ấy các A-la-hán lẽ phải hành phiền não, không hành chánh đạo. Cho nên biết có tánh chuyển y. Thế Tôn nương tánh thể chuyển y đây mật ý thuyết rằng: “Trong tự tánh biến kế, do hai chủng có chấp và không chấp tập khí, nên thành tạp nhiễm. Thanh tịnh là hữu lậu giới, là vô lậu giới, là chuyển y thanh tịnh, không gì vượt hơn”. Như kẻ đồ tể và tô tở của kia dùng dao bén giết bò rồi, lóc thịt, gân, cốt, xương... thành từng phần riêng, lại căng da bò dài ra để làm đồ che. Do đây nên nói bò cùng da đây không phải lìa, không phải hợp. Như vậy, các A-la-hán đã đắc chuyển y, dùng dao tuệ bén đoạn tận tất cả kiết phược tùy miên, tùy phiền não triền rồi, nên nói cùng da sáu xứ kia không phải lìa, không phải hợp.

Lại các bậc quán hành đã chuyển y rồi, tuy

nắm giữ các tướng, nhưng so với chỗ nắm giữ xưa có sự sai khác. Tướng nắm giữ đây giống như bên trong tự chứng đặc chân như, không thể dùng lời nói chỉ bảo cho người: “Tôi đã quán được tướng như vậy, như vậy...”.

Hỏi: Các A-la-hán an trụ trong Hữu dư y Niết-bàn giới, đối với Vô dư y Niết-bàn giới sẽ Bát-niết-bàn trụ những tâm gì?

Đáp: Không lại tư duy tất cả tướng, chỉ chân chánh tư duy chân vô tướng giới, lần hồi nhập Diệt định, diệt chuyển thức... Kế đến xả chỗ nương tựa của thức dị thực. Do không nắm giữ thức dị thực, nên các chuyển thức... chẳng sanh trở lại, chỉ còn lại chân pháp giới thanh tịnh vô vi là cấu. Ở trong cõi giới đây Bát-niết-bàn rồi, không sanh trở lại trong số thân trời, rồng, dục-xoa, kiện-đạt-phước, khản-nại-lạc, a-tố-lạc, người... Tóm lại, chư A-la-hán đây không sanh trở lại trong số các loài, chỗ có giả tướng thi thiết hữu tình trong khắp mười phương tất cả cõi giới, tất cả thú, tất cả sanh, tất cả sanh loại, tất cả thân được, tất cả loại sanh thù thắng, tất cả địa. Vì có sao? Do chân giới đây là các hý luận, chỉ người bên trong

tự chứng đắc thành tựu trọn vẹn.

Hỏi: Chư A-la-hán đã Bát-niết-bàn, ở trong Hữu dư y Niết-bàn giới và ở trong Vô dư y Niết-bàn giới có sai khác gì?

Đáp: Trụ Hữu dư y ở tại số các chúng loài, trụ Vô dư y không đọa trong số các chúng loài. Trụ Hữu dư y vẫn còn các khổ, trụ Vô dư y vĩnh viễn xa lìa các khổ. Trụ Hữu dư y, chỗ được chuyển y vẫn còn tương ứng với sáu xứ, trụ Vô dư y vĩnh viễn không tương ứng.

Hỏi: Nếu trong Vô dư y Niết-bàn giới đã Bát-niết-bàn, chỗ được chuyển y vĩnh viễn không tương ứng cùng sáu xứ, vị kia đã không có sở y sáu xứ, sao được gọi là trụ?

Đáp: A-la-hán đã được chuyển y chẳng phải sáu xứ làm nhân. Nhưng kia chỉ dụng duyên cảnh chân như tu đạo làm nhân, cho nên sáu xứ dù có hay không vẫn không khiến chuyển y thành tánh biến đổi, hướng là diệt mất. Lại giới đây chẳng phải chỗ biến tri, chẳng phải chỗ khá có thể đoạn, nên không thể diệt.

Hỏi: Ở trong Vô dư y Bát-niết-bàn giới đã Bát-niết-bàn rồi, chỗ được chuyển y nên nói là có,

hay nói là chẳng phải có?

Đáp: Nên nói là có.

Hỏi: Nên nói có tướng nào?

Đáp: Tướng không hý luận. Lại có tướng pháp giới thiện thanh tịnh.

Hỏi: Nhân duyên nào nên nói là có?

Đáp: Ở trong Hữu dư y và Vô dư y Bát-niết-bàn giới, tánh chuyển y đây đều là pháp vô động. Nếu là pháp vô động mà trước có sau không thì không đúng đạo lý.

Lại pháp tánh đây không phải do nhiều duyên sanh, không sanh không diệt, thí như tánh tịnh của nước, thí như tánh mềm mại của chân kim, thí như tánh hư không là mây, sương mù. Cho nên chuyển y nói là có.

Hỏi: Nên nói là thường, hay nói là vô thường?

Đáp: Nên nói là thường.

Hỏi: Nhân duyên nào nên nói là thường?

Đáp: Vì chỗ hiển của chân như thanh tịnh, vì không do duyên sanh, vì không sanh không diệt.

Hỏi: Nên nói là lạc, hay nói là không phải lạc?

Đáp: Do thắng nghĩa lạc nên nói là lạc, chẳng

do thọ lạc mà gọi là lạc. Vì cố sao? Bởi đều vượt qua tất cả phiền não và khổ phát sanh vậy.

Hỏi: Ở trong Vô dư y Niết-bàn giới, người đã Bát-niết-bàn có ít phần ý thú khác biệt không?

Đáp: Tất cả không có. Vì cố sao? Trong giới đây chẳng thể an lập phẩm hạ, trung, thượng khả đắc, chẳng thể thi thiết cao thấp hơn kém đây là Như Lai, đây là Thanh văn...

Hỏi: Nhân duyên nào không có sự sai khác? Vì cố sao? Các Thanh văn... có chướng sót thừa, ở trong Vô dư y Niết-bàn giới mà Bát-niết-bàn. Phật vĩnh viễn không còn tất cả chướng.

Đáp: Trụ trong Hữu dư y Niết-bàn giới, có thể an lập có chướng, không chướng khả đắc. Trụ trong Vô dư y Niết-bàn giới rốt ráo không chướng, không thể an lập có chướng, không chướng sai biệt. Vì cố sao? Vì trong giới đây, tất cả các tướng và các thô trọng đều vĩnh viễn đoạn dứt, đều vĩnh viễn diệt tận. Vì cố sao? Khi các A-la-hán trụ Hữu dư y Niết-bàn giới, tất cả các tướng chẳng phải vĩnh viễn diệt, dị thực thô trọng cũng chẳng phải vĩnh viễn diệt. Cho nên nói kia có phiền não tập khí, tức quán đãi tướng kia và thô trọng của kia mà an lập

có chướng. Khi trụ Vô dư y Niết-bàn giới, tất cả phiền não tập khí kia vĩnh viễn không có. Cho nên nên biết ở trong giới đây không an lập có chướng, không chướng sai biệt.

Hỏi: Nếu trong giới đây vĩnh viễn không có chướng, như chư Như Lai lìa tất cả chướng, A-la-hán... cũng lại như vậy, nhân duyên nào mà A-la-hán... không đồng làm các Phật sự như chư Như Lai?

Đáp: Bởi các A-la-hán thiếu sự tu tập “Bổn hoàng nguyện”. Lại do chủng loại chủng tánh của kia, nên A-la-hán... quyết định Bát-niết-bàn mà không khởi ý lạc trở lại. Cho nên không thể làm Phật sự.

Hỏi: Ở trong Vô dư y Niết-bàn giới Bát-niết-bàn, sở hữu vô lậu giới đây và các sắc nên nói là có khác hay nên nói là không khác?

Đáp: Nên nói chẳng phải có khác, cũng chẳng phải không khác. Như cùng các sắc, thì cùng các thọ... cùng tất cả hành, cùng tất cả giới, cùng tất cả đường cũng lại như vậy.

Hỏi: Ở trong Vô dư y Niết-bàn giới Bát-niết-bàn, ở nơi các pháp như sắc... nên nói là được tự

tại, hay nói không được tự tại?

Đáp: Nên nói là được tự tại.

Hỏi: Chỗ được tự tại đây nên nói là năng hiện tại tiền, hay nói là không năng hiện tại tiền?

Đáp: Một phần năng hiện tại tiền, một phần chẳng năng hiện tại tiền. Đó là chư Như Lai ở trong Vô dư y Niết-bàn giới đã Bát-niết-bàn rồi năng hiện tại tiền, còn lại chẳng năng hiện tại tiền.

Hỏi: Nếu trong giới đây lia các hý luận, do nhân duyên đây không thuộc trong số các loài. Sao gọi là lại năng khởi hiện tại tiền?

Đáp: Do trước phát khởi chánh hoằng nguyện, lại do tu tập đạo thế lực giống như kia. Thí như có người đang nhập Diệt tận định, tuy không khởi nghĩ: “Ta đang ở diệt định, sẽ trở lại xuất, hoặc xuất rồi trụ”. Nhưng do lực gia hạnh từ trước nên từ định mà xuất, nương có tâm hành mà phát khởi du hành. Nên biết trong đây đạo lý cũng vậy.

Hỏi: Thanh văn hồi hướng Bồ-đề là trụ trong Vô dư y Niết-bàn giới, hay là trụ trong Hữu dư y Niết-bàn giới, mà năng phát khởi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề ?

Đáp: Chỉ trụ trong Hữu dư y Niết-bàn giới, việc đây mới có thể xảy ra. Vì có sao? Bởi trong Vô dư y Niết-bàn giới xa lìa tất cả phát khởi sự nghiệp, tất cả dụng công thấy đều dừng dứt.

Hỏi: Nếu chỉ trụ trong Hữu dư y Niết-bàn giới mới năng phát khởi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, sao nói là chỉ do một lần sanh liền năng chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề? Vì có sao? A-la-hán... một lần sanh lại hãy còn không có, hà huống có nhiều đời sanh tương tục.

Đáp: Do vị kia cần phải tăng các thọ hành mới năng thành tựu trọn vẹn việc đây. Thế Tôn phần nhiều nương Thanh văn hồi hướng Bồ-đề mà mật ý thuyết rằng: “Thiện nam tử! Nếu có người khéo tu tập bốn thân túc rồi, năng trụ một kiếp hoặc hơn một kiếp”. Trong đây hơn một kiếp ý nói quá một kiếp. Vị kia tuy tăng thêm thọ hành như vậy, năng phát khởi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, nhưng sự tu hành cực thành trì trệ. Bởi vui Niết-bàn nên không như sơ phát tâm của Bồ-tát. Vị kia lúc tăng hành thọ rồi, lưu thân có căn, tạo làm hóa thân khác đồng pháp trước phương tiện thị hiện ở Vô dư y Niết-bàn giới mà Bát-niết-

bàn. Do nhân duyên đây, mọi người đều khởi nghĩ: “Tôn giả cao danh như thế ở nơi Vô dư y Niết-bàn giới đã Bát-niết-bàn”. Vị kia dụng chỗ lưu thân có căn thật, ở trong cõi châu Thiệm-bộ đây tùy theo sở thích mà an trụ hay du hý. Tất cả chư thiên hãy còn chẳng thể thấy, hà huống chúng sanh mà có thể thấy được. Vì vị kia nhiều lạc trú Niết-bàn, lại du hành khắp các thế giới thân cận cúng dường chư Phật, Bồ-tát, cùng ở trong các Thánh đạo tu tập tư lương Bồ-đề. Nếu lúc phóng dật, được chư Phật, Bồ-tát luôn luôn giáo hóa khiến giác ngộ. Vị kia được giác ngộ rồi, an trụ nơi tu hành, không còn phóng dật.

Hỏi: Nếu A-la-hán hồi hướng Bồ-đề liền năng chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, nhân duyên nào tất cả A-la-hán chẳng đều hồi hướng Vô thượng Bồ-đề?

Đáp: Do chủng tánh kia có sự sai biệt. Vì có sao? Hiện thấy chủng tánh các A-la-hán có nhiều sai biệt. Đó là hoặc thấy có các A-la-hán câu phần giải thoát, hoặc lại thấy chỉ có A-la-hán tuệ giải thoát, ở Vô dư y Niết-bàn giới mà Bát-niết-bàn. Cho nên nên biết do chủng tánh của kia có sự sai

biệt, nên chẳng phải tất cả A-la-hán đều năng hồi hương Vô thượng Bồ-đề.

Lại nữa, Thanh văn hồi hương Bồ-đề, hoặc ở địa vị học tức năng xả bỏ nguyện Thanh văn, hoặc ở địa vị vô học mới năng xả bỏ. Do căn tánh của kia có sai biệt, chỗ chờ đợi, gặp gỡ các duyên cũng có sai biệt. Như Thanh văn hồi hương Bồ-đề, do gặp duyên nên cưỡi xe Vô thượng thừa mà Bát-niết-bàn. Giả sử có Bồ-tát bị Như Lai và chư Bồ-tát khác xả bỏ, nhân duyên xả bỏ đây nếu gặp duyên mới vui thích thừa hạ liệt, bèn cưỡi xe hạ thừa mà Bát-niết-bàn. Nhưng không được chư Phật, Bồ-tát dung thọ. Như vậy trong đây việc giả sử chư Bồ-tát có phóng dật và bị xả bỏ quyết định không xảy ra.

Lại nữa, Thanh văn hồi hương Bồ-đề nếu theo đó chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, lúc ấy tức đồng Như Lai ở Vô dư y Niết-bàn giới mà Bát-niết-bàn.

Hỏi: Từ xưa đến nay Thanh văn hồi hương Bồ-đề nên nói là chủng tánh Thanh văn, hay nói là chủng tánh Bồ-tát?

Đáp: Nên nói thuộc chủng tánh bất định. Thí như an lập tự các loại hữu tình bất định, trong tự

pháp tánh Bát-niết-bàn nên biết đây là chủng tánh bất định.

Lại nữa, lúc vị kia trụ ở xứ đây chuyển, không sợ chết, cũng không sợ lão, bệnh... Như Lai cũng vậy. Lúc vị kia cùng các bậc khác ở trong Vô dư y Niết-bàn giới Bát-niết-bàn, ở mười phương giới hiện làm vô số việc lợi ích tất cả hữu tình nên biết rõ ràng chẳng thể nghĩ bàn. Như trong *Tam-Ma-Địa Thủ-Lăng-Già-Ma* thuyết, dụ như thầy huyền, hoặc dụ thương chủ, hoặc dụ thuyền trưởng, nên biết trong đây đạo lý cũng vậy. Đây gọi là vô cùng bí mật của Như Lai. Ở đây cũng có vô số mật ý sai biệt khác, như mật ý Như Lai về *Thắng giải hành địa*. Đó là khi Bồ-tát tu hành phẩm hạ nhãn chuyển, theo đó thắng giải sai biệt triển chuyển. Từ đây triển chuyển thắng tiến nhập *Tăng thượng ý lạc địa*, cho đến địa thứ chín. Các địa càng về sau, thắng giải thanh tịnh càng triển chuyển tăng trưởng. Trong địa thứ mười, thắng giải đây đã đạt đến thiện thanh tịnh cùng tột. Ở trong đây, chư Bồ-tát nên chân chánh tùy chuyển các bí mật của chư Như Lai. Nên biết bí mật của chư Như Lai như vậy không thể nghĩ bàn, không thể so lường, vượt

quá tất cả cảnh giới so lường.

Hỏi: Ở nơi pháp quyết trạch, nghĩa chung thế nào?

Đáp: *Do phẩm loại sai khác
Mà kiến lập các pháp,
Nơi kia giải thích khó
Phân biệt một hành thầy.*

Như vậy nên biết đó là nghĩa chung. Trong địa đây, văn quyết trạch còn lại không hiển nói thêm. Nên biết trong mỗi mỗi địa kia đều có vô lượng quyết trạch sai biệt. Ta nay chỉ lược khai thị ít phần. Do phương hướng đây, do sở học đây, do dạy dẫn đây, những người có trí theo đó nên tư duy các loại còn lại.

